

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thu Trang

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thu Trang

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thu Trang **Mã SV:** 1612401044

Lớp : QT 2002K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần
Thương mại Quế Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán hàng hóa theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.
- ✓ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán hàng hóa tại đơn vị thực tập.
- ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán hàng hóa nói riêng, trên cơ sở đó đưa ra một số ý kiến đề xuất giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- ✓ Suu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác kế toán hàng hóa năm 2019 tại Công ty CP Thương mại Quế Phòng.

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty CP Thương mại Quế Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : *Nguyễn Văn Thụ*

Học hàm, học vị : Thạc sỹ

Cơ quan công tác : *Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán hàng hóa tại Công ty CP
Thương mại Quế Phòng

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Văn Thụ*
Đơn vị công tác: *Khoa Quản trị kinh doanh*
Họ và tên sinh viên: *Phạm Thu Trang* Chuyên ngành: *Kế toán - Kiểm toán*
Đề tài tốt nghiệp: *Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần Thương mại Quế Phòng*
Nội dung hướng dẫn: Hệ thống lý luận, nghiên cứu thực tế tại đơn vị từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty cổ phần Thương mại Quế Phòng

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Bài viết của sinh viên *Phạm Thu Trang* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Trong chương này, tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định hiện hành.

Chương 2: Trong chương này, tác giả đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Tháng 11 năm 2019). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Trong chương này, tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán hàng hóa tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	2
1.1. Những vấn đề chung về hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
<i>1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ</i>	<i>2</i>
<i>1.1.1.1. Khái niệm hàng hóa trong doanh nghiệp.....</i>	<i>2</i>
<i>1.1.1.2. Đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp</i>	<i>2</i>
<i>1.1.1.3. Vai trò hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....</i>	<i>3</i>
<i>1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....</i>	<i>4</i>
<i>1.1.3. Phân loại hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ</i>	<i>4</i>
<i>1.1.4. Đánh giá giá trị của hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ</i>	<i>5</i>
<i>1.1.4.1. Nguyên tắc đánh giá:</i>	<i>5</i>
<i>1.1.4.2. Phương pháp đánh giá giá trị của hàng hóa.....</i>	<i>5</i>
<i>1.2. Nội dung công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....</i>	<i>10</i>
<i>1.2.1. Kế toán chi tiết hàng hoá trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.</i>	<i>10</i>
<i>1.2.2. Các phương pháp kế toán chi tiết hàng hóa</i>	<i>11</i>
<i>1.2.2.1. Phương pháp ghi thẻ song song.....</i>	<i>11</i>
<i>1.2.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....</i>	<i>13</i>
<i>1.2.2.3. Phương pháp sổ số dư</i>	<i>15</i>
<i>1.2.3. Kế toán tổng hợp tình hình biến động hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....</i>	<i>18</i>
<i>1.2.3.1. Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo phương pháp kế khai thường xuyên.....</i>	<i>18</i>
<i>1.2.3.2. Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....</i>	<i>21</i>
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	23
1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/TT-BTC.....	25
1.4.1. Hình thức kế toán nhật ký chung	25

<i>1.4.2. Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái</i>	27
<i>1.4.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ</i>	27
<i>1.4.4. Hình thức ghi sổ kế toán trên máy</i>	29
CHƯƠNG II THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG	30
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	30
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng</i>	30
<i>2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty</i>	31
<i>2.1.3. Đặc điểm kinh doanh của công ty</i>	31
<i>2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của công ty.</i>	34
<i>2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán</i>	35
<i>2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức vận dụng chế độ kế toán ở công ty</i>	37
<i>2.1.4.3. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán</i>	38
2.2. Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	38
2.2.1. Đặc điểm về hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng 38	
<i>2.2.2. . Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng</i>	38
<i>2.2.2.1. Thủ tục nhập, xuất kho trong công tác kế toán tại công ty</i>	38
<i>2.2.2.2. Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng</i>	48
<i>2.2.3. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng</i>	57
<i>2.2.3.1: Chứng từ sử dụng</i>	57
<i>2.2.3.2: Tài khoản sử dụng</i>	57
<i>2.2.3.3: Quy trình hạch toán</i>	57
CHƯƠNG III MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG	64
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	64
3.1.1. Ưu điểm	64

3.1.2. Hạn chế	66
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	67
3.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm hàng hóa	67
3.2.2: Hoàn thiện phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho.	68
3.2.3. Hoàn thiện về việc hiện đại hóa công tác kế toán	71
3.2.4. Hoàn thiện công tác kiểm kê hàng hóa	73
3.2.5. Hoàn thiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	74
KẾT LUẬN	76
TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song.....	13
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	14
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ số dư.....	17
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng quát theo phương pháp kê khai thường xuyên	20
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng quát hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	22
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán nhật ký chung.....	27
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái.....	27
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán chứng từ ghi.....	29
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán máy...	29
Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng	35
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán.....	36
Sơ đồ 2.3: Chu trình ghi sổ tổng hợp tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng.....	37
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.	48
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán hàng hóa tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.....	58

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<u>Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT</u>	40
<u>Biểu số 2.2: Biên bản giao nhận hàng hóa</u>	41
<u>Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho</u>	42
<u>Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho</u>	45
<u>Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT</u>	46
<u>Biểu số 2.6: Biên bản giao nhận hàng hóa</u>	47
<u>Biểu số 2.7: Thẻ kho của mặt hàng thép H194x150</u>	50
<u>Biểu số 2.8: Thẻ kho của mặt hàng thép H194x151</u>	51
<u>Biểu số 2.9: Thẻ kho của mặt hàng thép H100</u>	52
<u>Biểu số 2.10: Sổ chi tiết hàng hóa thép H194x150</u>	53
<u>Biểu số 2.11: Sổ chi tiết hàng hóa thép H194x151</u>	54
<u>Biểu số 2.12: Sổ chi tiết hàng hóa thép H100</u>	55
<u>Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn</u>	56
<u>Biểu số 2.14: Bảng kê xuất kho thép H194x150</u>	59
<u>Biểu số 2.15: Bảng kê xuất kho thép H194x151</u>	60
<u>Biểu số 2.16: Bảng kê xuất kho thép H100</u>	61
<u>Biểu số 2.17: Trích Nhật ký chung tháng 11</u>	62
<u>Biểu số 2.18: Trích Sổ cái Tài khoản 156 tháng 11</u>	62
<u>Biểu số 3.1: Sổ chi tiết hàng hóa thép H194x150</u>	70

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới, ở nước ta hiện nay, thành phần các doanh nghiệp ngày càng đa dạng hơn, phong phú hơn. Đặc biệt, trong một vài năm trở lại đây, số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại hàng hóa tăng với mức độ đáng kể. Các doanh nghiệp này muốn khẳng định vị thế của mình, muốn hoạt động hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao, một điều tất yếu là các doanh nghiệp đó phải nắm bắt và quản lý tốt quá trình lưu thông hàng hóa của chính doanh nghiệp mình từ khâu mua đến khâu bán.

Hàng hóa là khâu chủ chốt đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, cũng như các đơn vị thương mại, đặc biệt là trong nền kinh tế mở cửa hiện nay thì việc đẩy mạnh tốc độ mua bán hàng hóa là việc sống còn của tất cả các đơn vị. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp phải quan tâm đến việc tổ chức quản lý và sử dụng hàng hóa. Có như vậy hiệu quả kinh tế đạt được mới cao, mới góp phần thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp.

Sau một thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng, em đã nhận thức sâu sắc và cụ thể hơn về công tác kế toán hàng hóa, cũng như tầm quan trọng của hàng hóa trong quá trình kinh doanh. Em rất yêu thích đề tài về hàng hóa và muốn được đi sâu tìm hiểu nhiều hơn về đề tài này. Chính vì vậy, em đã lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng”*** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng hóa tại công ty cổ phần thương mại quế phòng

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Do thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng chưa được nhiều, hơn nữa kiến thức hiểu biết thực tế có hạn, khóa luận tốt nghiệp của em chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của thầy giáo hướng dẫn để làm khóa luận tốt nghiệp của em được sâu sắc và toàn diện hơn.

Em xin trân thành cảm ơn sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của thầy giáo Nguyễn Văn Thụ, sự giúp đỡ, tạo điều kiện của các cô chú, anh chị công tác tại phòng kế toán tài vụ Công ty trong thời gian em thực tập tốt nghiệp.

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG
HÓA TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1.1. Khái niệm hàng hóa trong doanh nghiệp

Hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại tồn tại dưới hình thức vật chất, là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người, được thực hiện thông qua mua bán trên thị trường. Nói cách khác là hàng hóa doanh nghiệp thương mại là những hàng hóa vật chất mà doanh nghiệp mua vào để bán phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của xã hội.

Vậy hàng hóa là những sản phẩm các doanh nghiệp mua về để bán phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng cả xã hội.

1.1.1.2. Đặc điểm hàng hóa trong doanh nghiệp

Hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại có những đặc điểm sau:

- Hàng hóa rất đa dạng và phong phú: Sản xuất không ngừng phát triển, nhu cầu tiêu dùng luôn biến đổi và có xu hướng ngày càng tăng dẫn đến hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều chủng loại.

- Hàng hóa có đặc tính lí, hóa, sinh học: Mỗi loại hàng hóa có các đặc tính lí, hóa, sinh học riêng. Những đặc tính này có ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng hàng hóa trong quá trình thu mua, vận chuyển, dự trữ, bảo quản và bán ra.

- Hàng hóa luôn thay đổi về chất lượng, mẫu mã, thông số kỹ thuật... Sự thay đổi này phụ thuộc vào trình độ phát triển của xuất, vào nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng thì hàng hóa được tiêu thụ và ngược lại.

- Trong lưu thông, hàng hóa thay đổi quyền sở hữu nhưng chưa đưa vào sử dụng. Khi kết thúc quá trình lưu thông, hàng hóa mới được đưa vào sử dụng để đáp ứng nhu cầu cho tiêu dùng hay sản xuất.

- Hàng hóa có vị trí rất quan trọng trong các doanh nghiệp thương mại, nghiệp vụ lưu chuyển hàng hóa với các quá trình: Mua – nhập hàng, dự trữ bảo quản hàng hóa. Bán hàng là nghiệp vụ kinh doanh cơ bản trong doanh nghiệp thương mại. Vốn dự trữ hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn lưu động trong doanh nghiệp (80% - 90%). Vốn lưu động của doanh nghiệp không ngừng vận động qua các giai đoạn của chu kỳ: Dự trữ sản xuất và lưu thông. Quá trình này diễn ra lặp đi lặp lại không ngừng gọi là sự tuần hoàn và chu chuyển của vốn lưu động.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Sau mỗi chu kỳ sản xuất kinh doanh thì vốn lưu động lại thay đổi hình thái biểu hiện từ hình thái vốn tiền tệ sang hình thái vốn ban đầu là hình thái tiền tệ. Như vậy quá trình vận động của hàng hóa cũng là quá trình vận động của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp. Việc tăng tốc độ của lưu chuyển của vốn kinh doanh không thể tách rời việc dự trữ và tiêu thụ hàng hóa một cách hiệu quả.

- Mua hàng: Là giai đoạn đầu tiên trong quá trình lưu chuyển hàng hóa tại các doanh nghiệp kinh doanh thương mại. Là quá trình vận động của vốn kinh doanh từ vốn tiền tệ sang vốn hàng hóa.

- Bán hàng: Là giai đoạn cuối cùng kết thúc quá trình lưu thông hàng hóa, sự chuyển hóa vốn kinh doanh từ vốn hàng hóa sang vốn tiền tệ.

- Bảo quản và dự trữ hàng hóa: Là khâu trung gian của lưu thông hàng hóa, hàng hóa vận từ lĩnh vực sản xuất sang lĩnh vực tiêu dùng. Để quá trình kinh doanh diễn ra bình thường các doanh nghiệp phải có kế hoạch dự trữ hàng hóa một cách hợp lý.

- Có thể khẳng định rằng hàng hóa có một vị trí quan trọng trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại. Do đó việc tập trung quản lý một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu, từ thu mua dự trữ đến tiêu thụ, trên tất cả các mặt: Số lượng, chất lượng, chủng loại giá cả... là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc tiết kiệm chi phí vận chuyển, chi phí bảo quản, xác định giá vốn hàng bán, giá bán hàng hóa, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Kế toán hàng hóa là công cụ quan trọng và không thể thiếu của quản lý hàng hóa cả về mặt hiện vật và giá trị nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, ngăn ngừa hạn chế đến mức thấp nhất nhưng mất mát, hao hụt hàng hóa trong các khâu của quá trình kinh doanh thương mại từ đó làm tăng lợi nhuận của công ty.

1.1.1.3. Vai trò hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Trong doanh nghiệp, kế toán nói chung là một bộ phận không thể thiếu trong bộ máy quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán trở thành công cụ quan trọng trong quản lý tài chính doanh nghiệp.

Đặt biệt, đối với doanh nghiệp hàng hóa chính là tài sản, là nguồn thu lợi nhuận quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Vì vậy, thông tin và tình hình xuất nhập hàng hóa là thông tin thiết yếu mà người quản trị cần quan tâm và đặc biệt nắm rõ. Nhờ báo cáo kết quả hàng hóa mà người quản lý có thể đưa ra quyết định kinh doanh liên quan trực tiếp đến việc gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp như quyết định về sản xuất, dự trữ, bán hàng,....

Kế toán hàng hóa đồng thời có thể đáp ứng nhu cầu quản lý hàng hóa tồn kho về số lượng, giá trị, chủng loại một cách chi tiết nhất, giúp việc quản lý tài sản của doanh nghiệp được chặt chẽ và sát sao hơn.

Đặc biệt kế toán hàng hóa cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về giá trị giá vốn hàng tiêu thụ để giúp cho việc tính toán kết quả kinh doanh và từ đó nhà quản lý đưa ra được những chính sách chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp.

1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp, đầy đủ số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập xuất tồn hàng hóa.

Tình hình giá thực tế của hàng hóa đã được thu mua và nhập kho, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch thu mua hàng về mặt số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Áp dụng đúng đắn các phương pháp kỹ thuật hạch toán hàng hóa, hướng dẫn kiểm tra các bộ phận. Doanh nghiệp cần thực hiện đầy đủ chế độ hạch toán ban đầu hàng hóa (lập chứng từ, luân chuyển chứng từ) mở các sổ... Thực hiện các chế độ đúng phương pháp quy trình nhằm đảm bảo sử dụng một cách thống nhất trong công tác kế toán, tạo điều kiện cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác kế toán trong phạm vi ngành kinh tế và toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Tham gia kiểm kê đánh giá hàng hóa theo chế độ nhà nước quy định, nhập báo cáo về tình hình nhập – xuất – tồn hàng phục vụ công tác quản lý và lãnh đạo. Tiến hành phân tích kinh tế, cung cấp, tiêu thụ hàng để tăng cường quản lý hàng hóa một cách đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, để đạt được mục tiêu tăng doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp.

1.1.3. Phân loại hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Theo tính chất thương phẩm kết hợp với đặc trưng kỹ thuật thì hàng hoá được chia theo từng ngành hàng, trong từng ngành hàng bao gồm nhiều nhóm hàng, mỗi nhóm hàng có nhiều mặt hàng, mỗi mặt hàng lại có giá cả khác nhau .

Hàng hóa gồm có các ngành hàng:

- Phân loại hàng hóa theo vật tư, thiết bị, công nghệ phẩm tiêu dùng:
 - Hàng kim khí điện máy;
 - Hàng hóa chất mỏ;
 - Hàng xăng dầu;
 - Hàng dệt may, bông vải sợi;
 - Hàng da cao su;
 - Hàng gốm sứ, thủy tinh;

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Hàng mây, tre đan;
- Hàng rượu bia, thuốc lá;
- Phân loại hàng hóa theo nguồn gốc sản xuất thì hàng hóa được chia thành:
 - Ngành hàng nông sản;
 - Ngành hàng lâm sản;
 - Ngành hàng thủy sản;
- Phân loại hàng hóa theo khâu lưu thông thì hàng hóa được chia thành:
 - Hàng hóa ở khâu buôn bán;
 - Hàng hóa ở khâu bán lẻ;
- Phân loại hàng hóa theo phương thức vận động của hàng hóa:
 - Hàng hóa chuyển qua kho;
 - Hàng hóa chuyển giao bán thẳng;

Việc phân loại và xác định những hàng nào thuộc hàng hóa của doanh nghiệp ảnh hưởng tới việc tính chính xác của hàng tồn kho phản ánh trên bảng cân đối kế toán và ảnh hưởng tới các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh. Vì vậy, việc phân loại hàng hóa là cần thiết và quan trọng đối với doanh nghiệp.

1.1.4. Đánh giá giá trị của hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.4.1. Nguyên tắc đánh giá:

- Trị giá của hàng hóa được phản ánh theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc hàng hóa mua vào, bao gồm: Giá mua, chi phí thu mua (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản hàng từ nơi mua về kho doanh nghiệp, chi phí bảo hiểm,...), và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng hóa ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp thẻ song song;
- + Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển;
- + Phương pháp sổ số dư;

Trong một doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng hóa: Phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp kế toán hàng hóa áp dụng tại doanh nghiệp phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại hàng hóa và yêu cầu quản lý để có sự vận dụng thích hợp và phải được thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

1.1.4.2. Phương pháp đánh giá giá trị của hàng hóa

a, Xác định giá hàng hóa nhập kho

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Giá trị của hàng hóa được xác định theo giá gốc. Việc xác định giá gốc của hàng hóa trong các trường hợp cụ thể khác nhau tùy theo nguồn gốc hình thành, giá gốc của hàng hóa nhập trong kỳ được tính như sau:

- Đối với hàng hóa mua ngoài:

Giá gốc của hàng hóa mua ngoài: Giá mua ghi trên hóa đơn, các khoản thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,... hàng hóa từ nơi mua về đến kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua hàng hóa và số hao hụt tự nhiên trong định mức (nếu có).

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá mua} + \text{Chi phí khác liên quan} + \text{Các khoản thuế không được hoàn lại} - \text{Các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại}$$

Giá mua ghi trên hóa đơn: Là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán ghi trên hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng.

+ Trường hợp DN là đơn vị phương pháp khấu trừ thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá gốc không bao gồm thuế GTGT;

+ Trường hợp tính thuế theo phương pháp trực tiếp (Hóa đơn thông thường) thì giá gốc bao gồm cả thuế GTGT;

Các khoản thuế không hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không được khấu trừ).

Chi phí thu mua hàng hóa: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng hóa, hao hụt trong định mức cho phép, công tác chi phí của bộ phận thu mua,...

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng mua: Là số tiền mà người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách,... khoản này ghi giảm giá mua hàng hóa.

- Đối với hàng hóa do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:

$$\text{Giá thực tế nhập kho} = \text{Giá xuất kho để gia công, chế biến} + \text{Chi phí gia công, chế biến}$$

- Đối với hàng hóa thuê ngoài gia công, chế biến:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực} \\ \text{tế nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá xuất kho} \\ \text{đem thuê} \\ \text{ngoài gia} \\ \text{công, chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc xếp} \\ \text{đem đi gia công,} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thuê} \\ \text{ngoài chế biến} \end{array}$$

- Đối với hàng hóa được biếu tặng: Giá nhập kho là giá thực tế được xác định theo thời giá trên thị trường.

• Phân bổ chi phí thu mua hàng hóa:

Chi phí thu mua hàng hóa phản ánh chi phí phát sinh liên quan đến số hàng hóa đã nhập kho trong kỳ và tình hình phân bổ chi phí thu mua hàng hiện có trong kỳ cho khối lượng hàng đã bán trong kỳ và tồn kho thực tế cuối kỳ (kể cả hàng tồn kho và hàng gửi đi bán, hàng gửi đại lý, ký gửi chưa bán được).

Chi phí liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hóa: Chi phí bảo hiểm hàng hóa, tiền thuê kho, thuê bến bãi, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản đưa hàng hóa từ nơi mua về đến kho doanh nghiệp, các khoản hao hụt tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa,...

+ Trường hợp doanh nghiệp phân bổ chi phí thu mua hàng theo tiêu thức trị giá mua:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua phân bổ} \\ \text{cho hàng xuất} \\ \text{bán trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phân bổ cho hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{hàng tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{hàng nhập trong} \\ \text{kỳ} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{hàng xuất} \\ \text{bán trong} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này có tính chính xác cao, thích hợp trong trường hợp nhập hàng có chênh lệch giá trị lớn, nhưng tính toán phức tạp trong trường hợp số lượng nhập xuất lớn.

+ Trường hợp doanh nghiệp phân bổ chi phí thu mua hàng theo tiêu thức số lượng:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua phân bổ} \\ \text{cho hàng} \\ \text{xuất bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{hàng tồn kho} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phát sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{tồn bán đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}} * \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{hàng xuất} \\ \text{bán trong} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

Phương pháp này tính toán dễ dàng nhưng cho kết quả mang tính chất tương đối vì chỉ phụ thuộc vào số lượng hàng nhập.

b, Xác định giá trị của hàng hóa xuất kho

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để tính giá trị hàng hóa xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp giá thực tế đích danh
- + Phương pháp bình quân gia quyền
- + Phương pháp nhập trước – xuất trước

• *Cách tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền*

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng hóa được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng hóa đầu kỳ và giá trị từng loại hàng hóa được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, lượng hàng hóa đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả hàng hóa khi nhập, xuất kho.

$$\text{Trị giá xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho} * \text{Đơn giá}$$

Đơn giá bình quân có thể xác định vào thời điểm cuối kỳ trong từng lần nhập.

Đơn giá được xác định như sau:

- *Theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:*

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính giá trị vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng hóa căn cứ vào giá nhập, lượng hàng hóa đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa trong kỳ}}$$

+ **Ưu điểm:** Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.

+ **Nhược điểm:** Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ **Điều kiện áp dụng:** Có thể áp dụng được cho tất cả các loại hình doanh nghiệp.

- *Theo phương pháp bình quân liên hoàn:*

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất giữa những lần nhập tiếp để tính giá xuất theo công thức:

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

+ **Ưu điểm:** Là khắc phục được những hạn chế của phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

+ **Nhược điểm:** Việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức.

+ **Điều kiện áp dụng:** Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

• **Cách tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước – xuất trước:**

Phương pháp nhập trước xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng hóa được mua trước thì được xuất trước, và giá trị hàng hóa còn lại cuối kỳ là giá trị hàng hóa được mua gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng hóa xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng hóa cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

Hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số liệu mua vào trong kỳ. Phương pháp thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

+ **Ưu điểm:** Có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

+ **Nhược điểm:** Làm cho doanh nghiệp hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng, chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí do hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

+ **Điều kiện áp dụng:** Áp dụng đối với doanh nghiệp có số lần nhập – xuất ít chủng loại hàng hóa ít, đơn giá hàng hóa lớn cần theo dõi chính xác đơn giá xuất.

• **Cách tính giá xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh:**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Theo phương pháp này, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ứng đúng theo giá trị thực tế của nó.

+ **Ưu điểm:** Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

+ **Nhược điểm:** Đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

+ **Điều kiện áp dụng:** Những doanh nghiệp kinh doanh có ít mặt hàng, hàng hóa có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng hóa nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này.

1.2. Nội dung công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1. Kế toán chi tiết hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- *Yêu cầu hạch toán chi tiết hàng hóa*

Kế toán chi tiết hàng hóa được thực hiện chi tiết đối với các loại hàng hóa lưu chuyển qua kho cả về chỉ tiêu giá trị lẫn hiện vật. Đây là công tác quản lý hàng hóa cần có ở doanh nghiệp. Hạch toán nhập xuất tồn hàng hóa phải được phản ánh theo giá trị thực tế.

Việc hạch toán chi tiết hàng hóa phải được thực hiện hàng ngày ở kho và từng loại hàng hóa. Cuối tháng phải tổng hợp số liệu để xác định giá vốn của hàng tiêu thụ.

Hiện nay các doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong ba phương pháp ghi chi tiết hàng hóa đó: Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ số dư.

- *Chứng từ và sổ sách sử dụng:*

Theo chế độ chứng từ kế toán chi tiết hàng hóa gồm có:

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ dụng cụ, hàng hóa, sản phẩm,...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Bảng kê mua hàng
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng kê thu mua hàng hóa mua vào không có hóa đơn
-

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm chứng từ kế toán tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp thuộc lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế,...

Đối với các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc phải lập kịp thời, đầy đủ đúng quy định về mẫu biểu, nội dung, phương pháp lập, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh.

Mọi chứng từ kế toán hàng hóa phải được tổ chức luận chuyển theo trình tự thời gian hợp lý, do kế toán trưởng quy định phục vụ cho việc phản ánh, ghi chép và tổng hợp số liệu kịp thời của các bộ phận cá nhân có liên quan.

Sổ (thẻ) kho được sử dụng để theo dõi số lượng nhập – xuất – tồn của từng hàng hóa trong kho. Thẻ kho do phòng kế toán lập và ghi các dữ liệu: Tên, nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính, mã số hàng hóa,...

Các sổ (thẻ) kế toán chi tiết hàng hóa, sổ đối chiếu luân chuyển, sổ số dư được sử dụng để hạch toán tình hình xuất – nhập – tồn kho về mặt giá trị hoặc cả mặt giá trị và hiện vật tùy thuộc phương pháp kế toán chi tiết áp dụng trong doanh nghiệp.

Ngoài những sổ kế toán chi tiết trên còn có thể mở bảng kê nhập, bảng kê xuất, bảng kê lũy kế tổng hợp nhập – xuất – tồn kho hàng hóa phục vụ cho việc ghi sổ được đơn giản, nhanh chóng, kịp thời.

1.2.2. Các phương pháp kế toán chi tiết hàng hóa

1.2.2.1. Phương pháp ghi thẻ song song

Việc kế toán chi tiết được tổ chức tại kho và phòng kế toán

+ **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép việc nhập – xuất – tồn theo số lượng. Mỗi thẻ kho dùng cho một thứ hàng hóa cùng nhãn hiệu quy cách ở cùng một kho. Phòng kế toán lập thẻ kho ghi các chỉ tiêu: Tên, nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính, mã số hàng tồn kho, sau đó giao cho thủ kho sao chép hàng ngày.

Hàng ngày khi nhận được các chứng từ kế toán về nhập, xuất, thủ kho kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ cho nhập xuất kho rồi ghi số lượng thực tế của hàng tồn kho nhập xuất vào chứng từ đó. Sau đó sắp xếp chứng từ theo từng loại riêng biệt đồng thời căn cứ vào chứng từ này, thủ kho ghi số lượng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

hàng tồn kho nhập xuất vào thẻ kho, mỗi chứng từ ghi một dòng, mỗi ngày thủ kho ghi số tồn kho và ghi vào thẻ kho. Sau khi ghi vào thẻ kho xong, thủ kho sắp xếp lại chứng từ và lập phiếu giao nhận chứng từ rồi chuyển những chứng từ đó cho nhân viên kế toán. Khi giao nhận phải ký vào phiếu giao nhận chứng từ để làm cơ sở xác định trách nhiệm.

+ **Tại phòng kế toán:** Kế toán sử dụng thẻ hay sổ chi tiết hàng hóa để ghi chép cả số lượng lẫn giá trị hàng tồn kho nhập xuất tồn. Thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết được mở tương ứng với thẻ kho cho từng thứ hàng hóa và cho từng kho. Định kỳ nhân viên kế toán xuống kho nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, sau đó ký nhận vào phiếu giao nhận chứng từ. Khi nhận được chứng từ kế toán viên phải kiểm tra lại tính chất hợp lý hợp lệ của chứng từ, ghi số tiền vào chứng từ, phân loại chứng từ sau đó ghi số lượng nhập xuất lẫn giá trị vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và tính ra giá trị và số lượng tồn.

Cuối tháng sau khi đã ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh xong, kế toán tiến hành tính ra tổng số nhập xuất và từ đó tính ra số tồn về cả số lượng lẫn giá trị. Số lượng hàng tồn kho ở sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết được dùng để đối chiếu với thẻ kho của từng thứ hàng tồn kho và đối chiếu với số liệu kiểm kê thực tế. Trong trường hợp có chênh lệch thì phải kiểm tra xác minh và tiến hành điều chỉnh theo chế độ quy định. Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các sổ chi tiết kế toán sẽ lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn kho vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, công cụ dụng cụ.

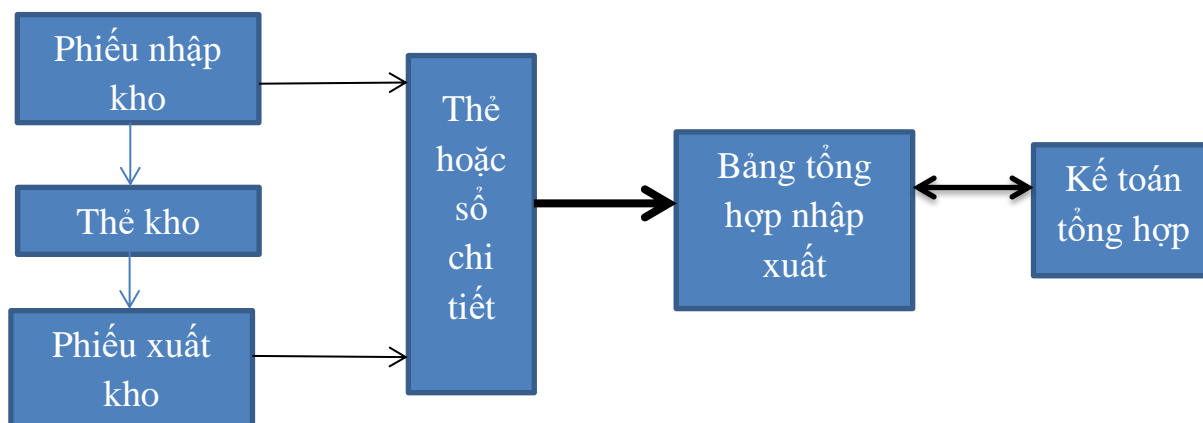
- **Ưu điểm:**

- + Dễ làm, dễ ghi chép, dễ kiểm tra đối chiếu.
- + Cung cấp thông tin thường xuyên, kịp thời cho nhà quản lý cả về hiện vật lẫn giá trị.
- + Vận dụng vào máy vi tính việc hạch toán chi tiết hàng hóa.

- **Nhược điểm:**

- + Công việc ghi chép nhiều trùng lặp giữa phòng kế toán và kho, không thích hợp với doanh nghiệp sử dụng nhiều loại hàng hóa.
- + Nếu sử dụng quá nhiều hàng hóa không ghi chép bằng tay mà phải sử dụng bằng máy.

- **Điều kiện áp dụng:** Thích hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ chuyên môn của các nhân viên kế toán chưa cao.



• **Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng
- > Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp ghi thẻ song song

1.2.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Phương pháp này được xây dựng trên cơ sở cải tiến phương pháp thẻ song song

+ **Tại kho:** Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép, số lượng hàng tồn kho nhập xuất tồn giống như phương pháp thẻ song song.

+ **Tại phòng kế toán:** Kế toán sử dụng “sổ đối chiếu luân chuyển” để ghi chép số lượng và giá trị của hàng tồn kho, xuất nhập tồn của từng thứ vật liệu, thành phẩm, hàng hóa, công cụ dụng cụ trong từng kho và chỉ ghi một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp số liệu của các chứng từ phát sinh trong tháng. Mỗi thứ vật liệu được ghi 1 dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển được dùng để đối chiếu với số lượng trên các thẻ kho và với giá trị trên sổ kế toán tổng hợp.

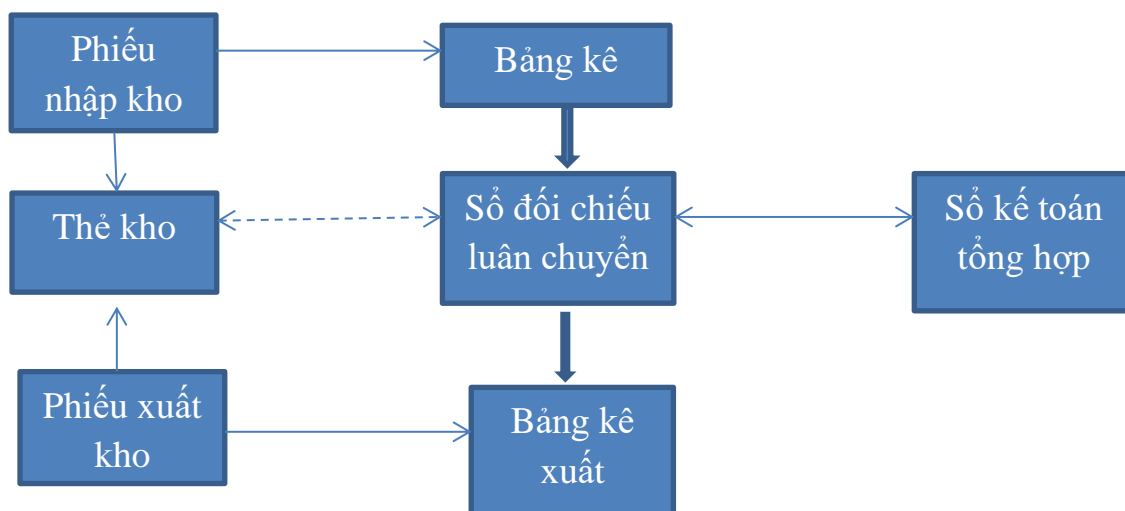
Phương pháp này đã hạn chế được một phần khối lượng ghi chép nhưng công việc được dồn vào cuối tháng nên số liệu báo cáo chậm.

- **Ưu điểm:**

- + Tránh được việc ghi trùng lặp giữa kho và phòng kế toán.
- + Cung cấp được thông tin cả về hiện vật lẫn giá trị cho người quản lý.

- **Nhược điểm:** Công việc kế toán thường dồn vào cuối tháng nên việc nên báo cáo kế toán chậm.

- **Điều kiện áp dụng:** Thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại hàng hóa ít, không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng ngày. Phương pháp này thường ít được sử dụng trong thực tế.



• **Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng
- <-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chi tiết hàng hóa theo phương pháp số đối chiếu luân chuyển

Đơn vị:

Bộ phận:

SỐ ĐỐI CHIẾU LUÂN CHUYỂN

Kho: Năm:

Danh điểm	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Số dư đầu tháng 1		Luân chuyển tháng 1				Số dư đầu tháng 2	
						Năm		Nhập			
				SL	Giá trị	SL	Giá trị	SL	Giá trị	SL	Giá trị

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày....tháng....năm...

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đánh dấu)

Mẫu 1.1: Mẫu sổ đối chiếu luân chuyển

1.2.2.3. Phương pháp sổ số dư

Phương pháp sổ số dư là một bước cải tiến căn bản trong một tổ chức hạch toán chi tiết hàng tồn kho. Đặc điểm nổi bật của phương pháp này là kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho với việc ghi chép của phòng kế toán và trên cơ sở kết hợp đó ở kho chỉ hạch toán về số lượng ở phòng kế toán, chỉ hạch toán về giá trị của hàng hóa, xóa bỏ được ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, tạo điều kiện thực hiện kiểm tra thường xuyên và có hệ thống của kế toán đối với thủ kho, đảm bảo số liệu chính xác kịp thời.

+ **Tại kho:** Hàng ngày hoặc định kỳ 3 – 5 ngày sau khi ghi thẻ kho xong, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập xuất kho phát sinh trong ngày hoặc trong kỳ theo từng nhóm vật liệu quy định. Căn cứ vào kết quả phân loại chứng từ của từng loại hàng tồn kho lập phiếu giao nhận chứng từ kê rõ số lượng, số hiệu các chứng từ của từng loại hàng hóa tồn kho. Phiếu giao nhận chứng từ phải lập riêng cho phiếu nhập kho một bản, phiếu xuất kho một bản. Phiếu này sau khi lập xong được đính kèm với các tệp phiếu nhập hoặc phiếu xuất để giao cho kế toán. Ngoài ra cuối tháng thủ kho còn phải căn cứ vào các thẻ kho đã được kế toán kiểm tra, ghi số lượng hàng tồn kho, tồn kho cuối tháng để ghi vào sổ số dư. Sổ số dư kế toán mở cho từng kho, dùng cho cả năm và giao cho thủ kho trước ngày cuối tháng. Trong sổ số dư các danh điểm được in sẵn, sắp xếp theo thứ tự trong từng nhóm và loại hàng tồn kho. Ghi sổ số dư xong thủ kho chuyển giao cho phòng kế toán để hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho, nhận chứng từ và ký vào thẻ kho và phiếu giao nhận chứng từ.

+ **Tại phòng kế toán:** Hàng ngày hoặc định kỳ kế toán nhận chứng từ và kiểm tra việc ghi chép của thủ kho. Khi chứng từ về phòng kế toán nhân viên kế toán hoàn chỉnh chứng từ sau đó tổng hợp giá trị hàng tồn kho nhập xuất theo từng thứ hàng hóa ghi vào phiếu giao nhận chứng từ để từ đó ghi vào bảng kê lũy kế nhập xuất tồn hàng hóa để ghi vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn. Số tồn kho cuối tháng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn được dùng để tiến hành đối chiếu số dư bằng tiền trên sổ số dư. Để phục vụ cho công việc đối chiếu này cuối tháng ghi nhận được sổ số dư trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn kho hàng tồn kho. Ngoài ra số liệu trên bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn còn được dùng để đối chiếu với số liệu kế toán tổng hợp.

Phương pháp này có ưu điểm là giảm bớt được khối lượng ghi chép, tránh trùng lặp và công việc được dải đều trong tháng đồng thời kiểm tra được thường xuyên tình hình ghi chép của thủ kho. Tuy nhiên nếu muốn biết được số liệu về mặt số lượng thì phải xem tài liệu của kho.

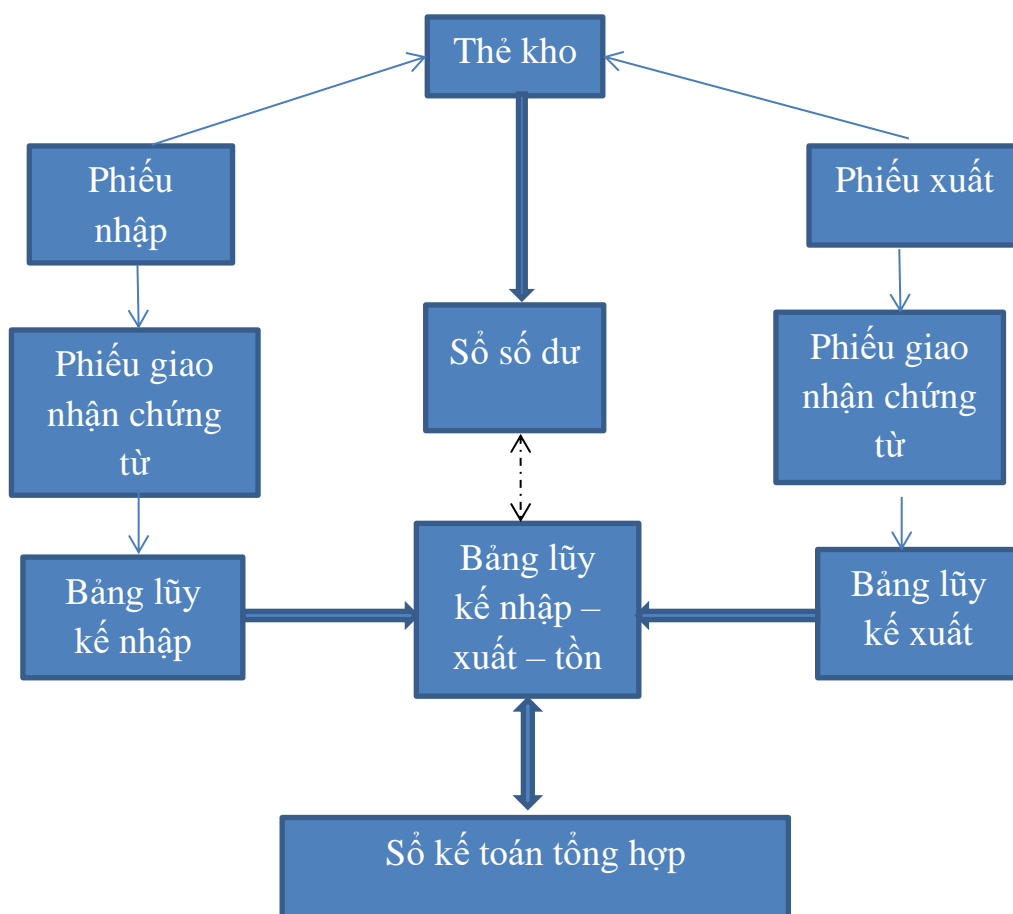
- **Ưu điểm:**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- + Tránh được việc ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán.
- + Cung cấp thông tin thường xuyên giá trị hàng hóa nhập – xuất – tồn.

- **Nhược điểm:** Nếu có nhầm lẫn, sai sót khó phát hiện ra. Công tác này đòi hỏi nhân viên kế toán và thủ kho phải có trình độ chuyên môn cao.

- **Điều kiện áp dụng:** Thường xuyên áp dụng cho các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên, doanh nghiệp xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng hệ thống điểm danh hàng hóa hợp lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ kế toán vững vàng.



• Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←-.-> Đối chiếu hàng tháng
- ↔ Đối chiếu hàng hóa

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán hàng hóa theo phương pháp sổ số dư

Đơn vị:

Bộ phận:

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày đến ngày.....tháng.....năm....

Nhóm hàng hóa	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4

Ngày.....tháng....năm.....

Người giao

(ký, họ tên)

Người nhận

(ký, họ tên)

Mẫu 1.2: Mẫu phiếu giao nhận chứng từ

Đơn vị:

Bộ phận:

SỔ SỐ DƯ

Năm.....

Kho.....

Danh điểm	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Định mức dự trữ	Số đầu năm		Số dư cuối tháng 1		Số dư cuối tháng 4	
					SL	GT	SL	GT		SL	GT	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đánh dấu)

Mẫu 1.3: Mẫu sổ số dư

1.2.3. *Kế toán tổng hợp tình hình biến động hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.*

Trong một doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng hóa: Phương pháp kê khai thường xuyên, hoặc phương pháp kiểm kê định kỳ. Việc lựa chọn phương pháp kế toán hàng hóa tồn kho áp dụng tại doanh nghiệp phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất, số lượng, chủng loại hàng hóa và yêu cầu quản lý để có sự vận dụng thích hợp và phải được thực hiện nhất quán trong niên độ kế toán.

1.2.3.1. *Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo phương pháp kê khai thường xuyên*

• **Đặc điểm của phương pháp:**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất tồn vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, các tài khoản kế toán hàng hóa tồn kho được dùng để phản ánh số hiện có, tình hình biến động tăng, giảm của vật tư, hàng hóa. Vì vậy, giá trị hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế hàng hóa tồn kho, so sánh, đối chiếu với số liệu hàng hóa tồn kho trên sổ kế toán. Về nguyên tắc số tồn kho thực tế phải luôn phù hợp với số tồn kho trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải truy tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời. Phương pháp kê khai thường xuyên thường áp dụng cho các doanh nghiệp sản xuất (công nghiệp, xây lắp,...) và các doanh nghiệp thương nghiệp kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị, hàng kỹ thuật, chất lượng cao,...

- **Công thức tính giá hàng hóa tồn kho:**

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng hóa} \\ \text{hóa tồn kho} & = & \text{hóa tồn kho} & + & \text{hóa nhập trong} & - & \text{xuất bán trong} \\ \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

• **Chứng từ sử dụng:**

- + Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 – VT)
- + Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- + Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 01GTK3/001)
- + Biên bản kiểm kê hàng hoá.
- + Một số giấy tờ liên quan khác

• **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 156: Hàng hóa

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng, hàng hóa bất động sản. Hàng hóa là các loại vật tư, sản phẩm do doanh nghiệp mua về với mục đích để bán (Bán buôn và bán lẻ). Trường hợp hàng hóa mua về vừa dùng để bán, vừa dùng để sản xuất, kinh doanh không phân biệt rõ ràng giữa hai mục đích bán lại hay để sử dụng thì vẫn phản ánh vào tài khoản 156 “hàng hóa”.

• Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 156

+ Bên nợ:

- Trị giá mua vào của hàng hóa theo hóa đơn mua hàng (Bao gồm các loại thuế không được hoàn lại);
- Chi phí thu mua hàng hóa;
- Trị giá của hàng hóa thuê ngoài gia công (Gồm giá mua vào và chi phí gia công);
- Trị giá hàng hóa đã bán bị người mua trả lại;
- Trị giá hàng hóa phát hiện thừa khi kiểm kê;
- Kết chuyển giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ);
- Trị giá hàng hóa bất động sản mua vào hoặc chuyển từ bất động sản đầu tư.

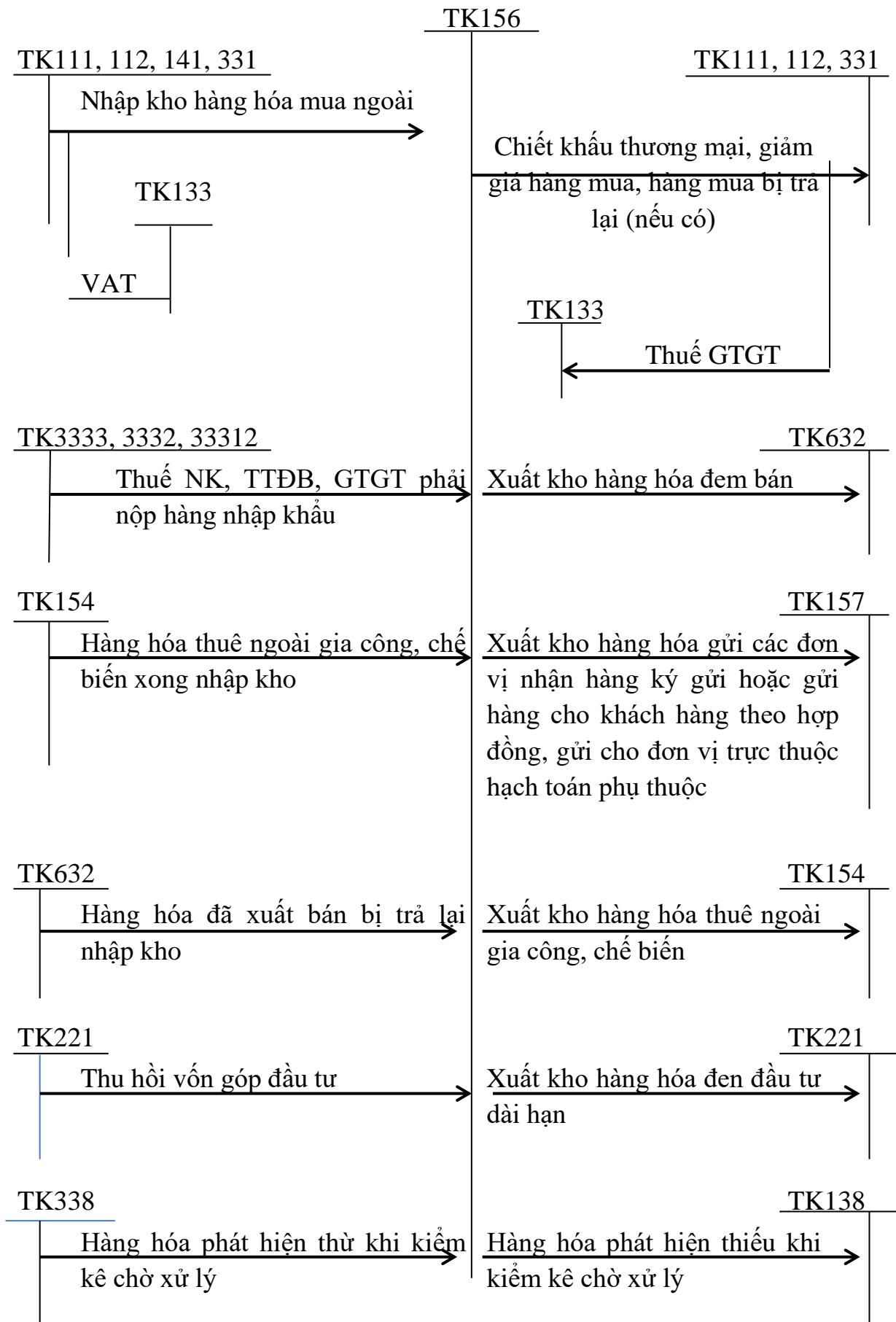
+ Bên có:

- Trị giá của hàng hóa xuất kho để bán, giao đại lý, giao cho doanh nghiệp phụ thuộc, thuê ngoài gia công, hoặc sử dụng cho sản xuất, kinh doanh;
- Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng;
- Các khoản giảm giá hàng mua được hưởng;
- Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán;
- Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê;
- Kết chuyển giá trị hàng tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ);
- Trị giá hàng hóa bất động sản đã bán hoặc chuyển thành bất động sản đầu tư, bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc tài chính cố định.

+ Số dư bên nợ:

- Trị giá mua vào của hàng hóa tồn kho
- Chi phí thu mua của hàng hóa tồn kho

• Trình tự hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng quát theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.2.3.2. *Kế toán tổng hợp hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo phương pháp kiểm kê định kỳ*

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng hóa, vật tư đã xuất trong kỳ.

- **Công thức tính giá hàng xuất kho:**

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Tổng trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{hóa xuất kho} & = & \text{hóa tồn kho} & + & \text{hàng hóa nhập} & - & \text{tồn kho cuối} \\ \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{kỳ} \end{array}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của hàng hóa (nhập kho, xuất kho) không theo dõi, phản ánh trên các tài khoản kế toán hàng hóa tồn kho. Giá trị của hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ được theo dõi, phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611 “Mua hàng”).

Công tác kiểm kê hàng hóa được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định trị giá hàng hóa xuất kho trong kỳ làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611 “Mua hàng”. Như vậy, khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán và cuối kỳ kế toán.

Phương pháp kiểm kê định kỳ thường áp dụng ở các doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa với quy cách, mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, hàng hóa xuất dùng hoặc xuất bán thường xuyên. Phương pháp kiểm kê định kỳ hàng tồn kho có ưu điểm là đơn giản, giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán. Nhưng độ chính xác về giá trị hàng hóa xuất dùng, xuất bán bị ảnh hưởng của chất lượng công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

- **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 611: Mua hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Tài khoản 611 “Mua hàng” chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- **Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 611 – Mua hàng**

- + **Bên nợ:**

- Kết chuyển giá gốc hàng tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê);
- Giá gốc hàng hóa mua vào trong kỳ.

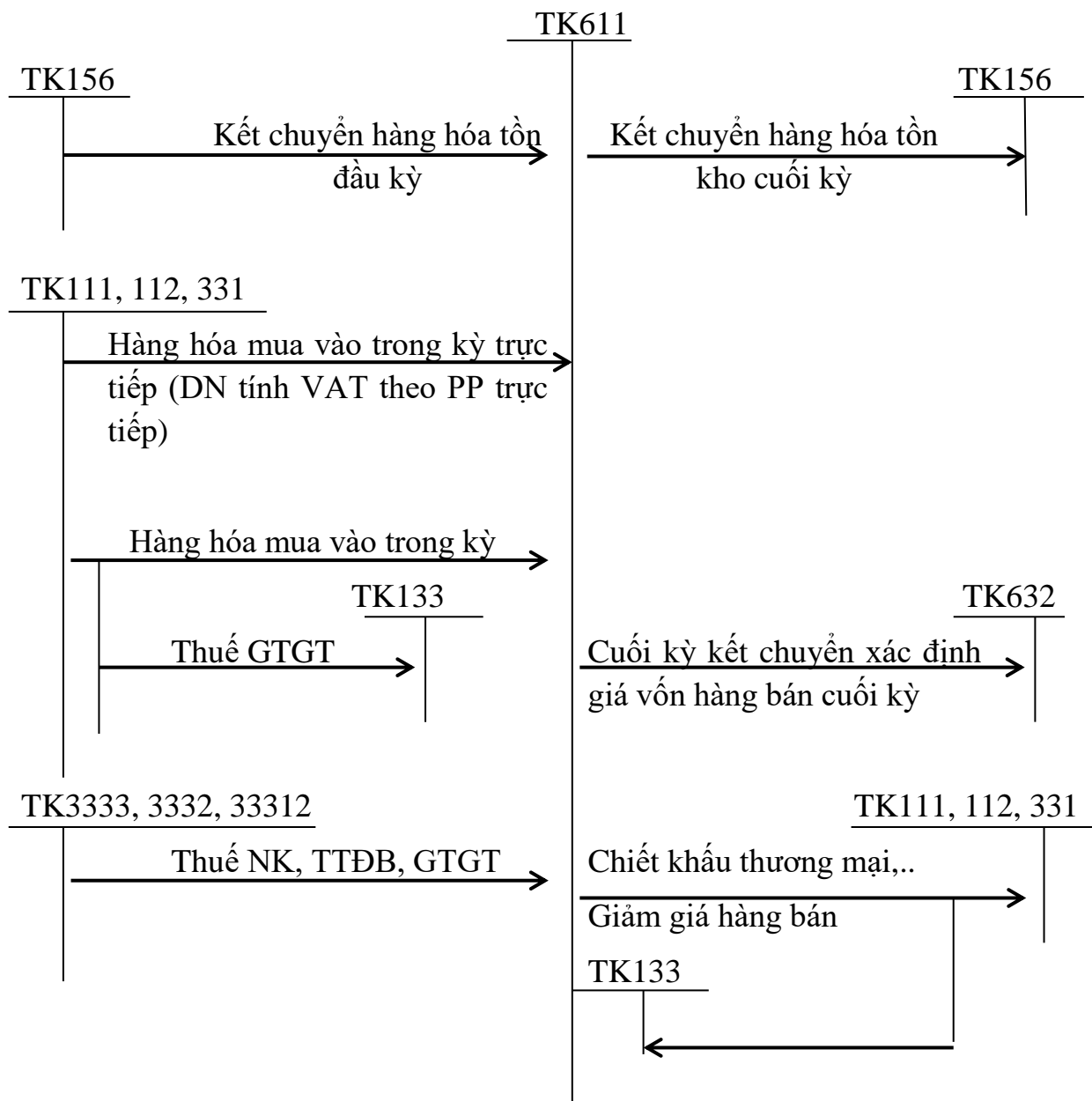
- + **Bên có:**

- Kết chuyển giá gốc hàng tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê);

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Giá gốc hàng hóa xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (Chưa được xác định là đã bán trong kỳ);
 - Giá gốc hàng hóa mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.
- + Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ

- **Trình tự hạch toán**



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng quát hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

- *Nguyên tắc kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

- Doanh nghiệp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Dự phòng là khoản dự tính trước để đưa vào chi phí sản xuất, kinh doanh phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm xuống.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm báo cáo tài chính. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện theo đúng các quy định của chuẩn mực kế toán “hàng tồn kho” và quy định của chế độ tài chính hiện hành.

- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm, tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán chúng.

- Khi lập báo cáo tài chính, căn cứ vào số lượng, giá gốc, giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại vật tư, hàng hóa, từng loại dịch vụ cung cấp dở dang, xác định khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập:

- + Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch lớn hơn được ghi tang dự phòng và ghi tang giá vốn hàng bán.

- + Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đang ghi trên sổ kế toán thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm giá vốn hàng bán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá hàng tồn} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng hàng tồn} \\ \text{kho thực tế tại} \\ \text{thời điểm lập} \\ \text{báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} * \begin{array}{l} [\text{Giá gốc hàng tồn} \\ \text{kho theo sổ kế} \\ \text{toán}] \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần} \\ \text{có thể thực} \\ \text{hiện được của} \\ \text{hàng tồn kho}] \end{array}$$

Trong đó:

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo TT 48/2019 ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho do doanh nghiệp tự xác định là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

- *Tài khoản và chứng từ sử dụng*

- Tài khoản 229.4: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Bên nợ:

+ Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết.

+ Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

+ Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa bỏ.

- Bên có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Số dư bên có:

+ Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

- *Chứng từ sử dụng:*

+ Hóa đơn chứng từ phản ánh giá gốc của hàng tồn kho được lập dự phòng.

+ Biên bản kiểm kê số lượng hàng tồn kho tại thời điểm lập dự phòng.

+ Bảng tổng hợp mức lập dự phòng.

+ Bảng chứng tin cậy về giá bán ước tính hàng tồn kho được lập dự phòng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- *Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.*

- Khi lập báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán

Có TK229.4: Dự phòng tổn thất tài sản

- Khi lập báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK229.4: Dự phòng tổn thất tài sản

Có TK632: Giá vốn hàng bán

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK229.4: Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng số dự phòng)

Nợ TK632: giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có TK156

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước kho doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK229.4: Dự phòng tổn thất tài sản

Có TK411: Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán hàng hóa trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/TT-BTC

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 133/2016 của Bộ tài chính, doanh nghiệp được phép tự xây dựng hệ thống sổ sách kế toán cho riêng mình. Trong trường hợp doanh nghiệp không tự xây dựng được thì có thể áp dụng hệ thống sổ sách theo một trong 4 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.4.1. Hình thức kế toán nhật ký chung

- **Đặc điểm:**

Với cách ghi chép này, kế toán sẽ ghi lại tất cả các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh của doanh nghiệp vào sổ nhật ký chung theo thứ tự thời gian và theo đúng định khoản kế toán của nghiệp vụ đó.

Sau đó kế toán lấy số liệu từ sổ nhật ký chung này để ghi vào sổ cái tương ứng với nghiệp vụ phát sinh. Đây là hình thức ghi sổ được nhiều doanh nghiệp áp dụng nhất hiện nay.

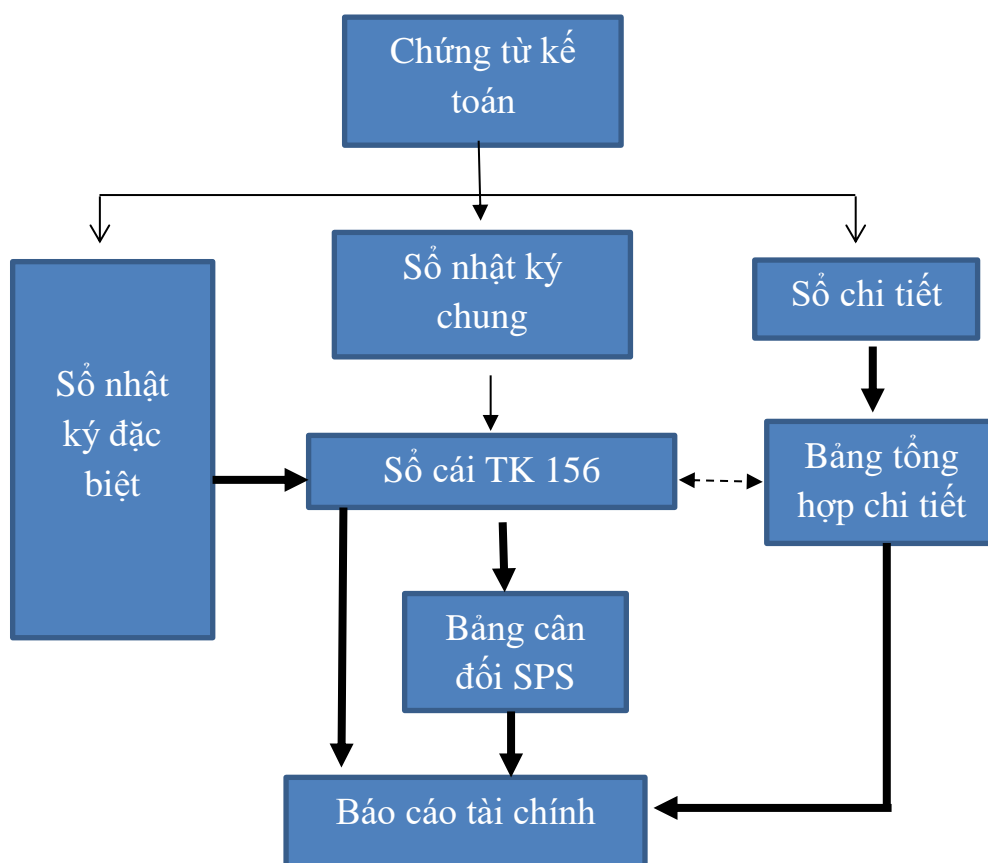
Các loại sổ cần cho cách ghi sổ kế toán này là: sổ nhật ký chung – sổ nhật ký đặc biệt – sổ cái – các sổ, thẻ kế toán chi tiết

- **Ưu điểm:**

Mẫu sổ ghi chép đơn giản, dễ hiểu giúp kế toán viên thực hiện ghi chép nhanh chóng, gọn gàng, dễ xem lại và phân công công việc cho kế toán.

Thuận tiện khi ứng dụng tin học trong công tác ghi sổ

Dễ dàng cho công đoạn kiểm tra, đối chiếu với số liệu trên sổ nhật ký chung bất cứ lúc nào



• **Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi Định kỳ
- ←---> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán nhật ký chung

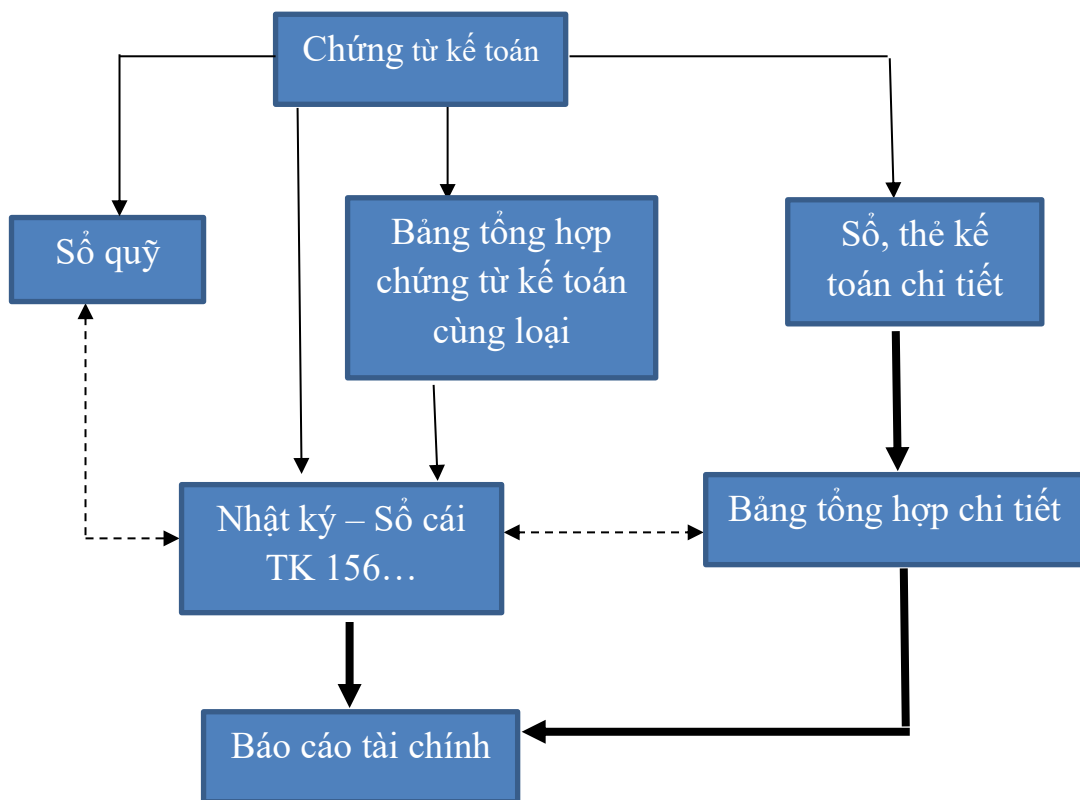
1.4.2. Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

- Đặc điểm cơ bản:

Sổ nhật ký – sổ cái tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh của doanh nghiệp được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo tài khoản kế toán.

Căn cứ được dùng để ghi sổ là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp kế toán cùng loại.

Hình thức này chỉ sử dụng: Sổ nhật ký – sổ cái, các sổ - thẻ kế toán chi tiết để thực hiện quá trình ghi sổ.



• Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối kỳ
- <- - - - -> Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

1.4.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

- Đặc điểm cơ bản:

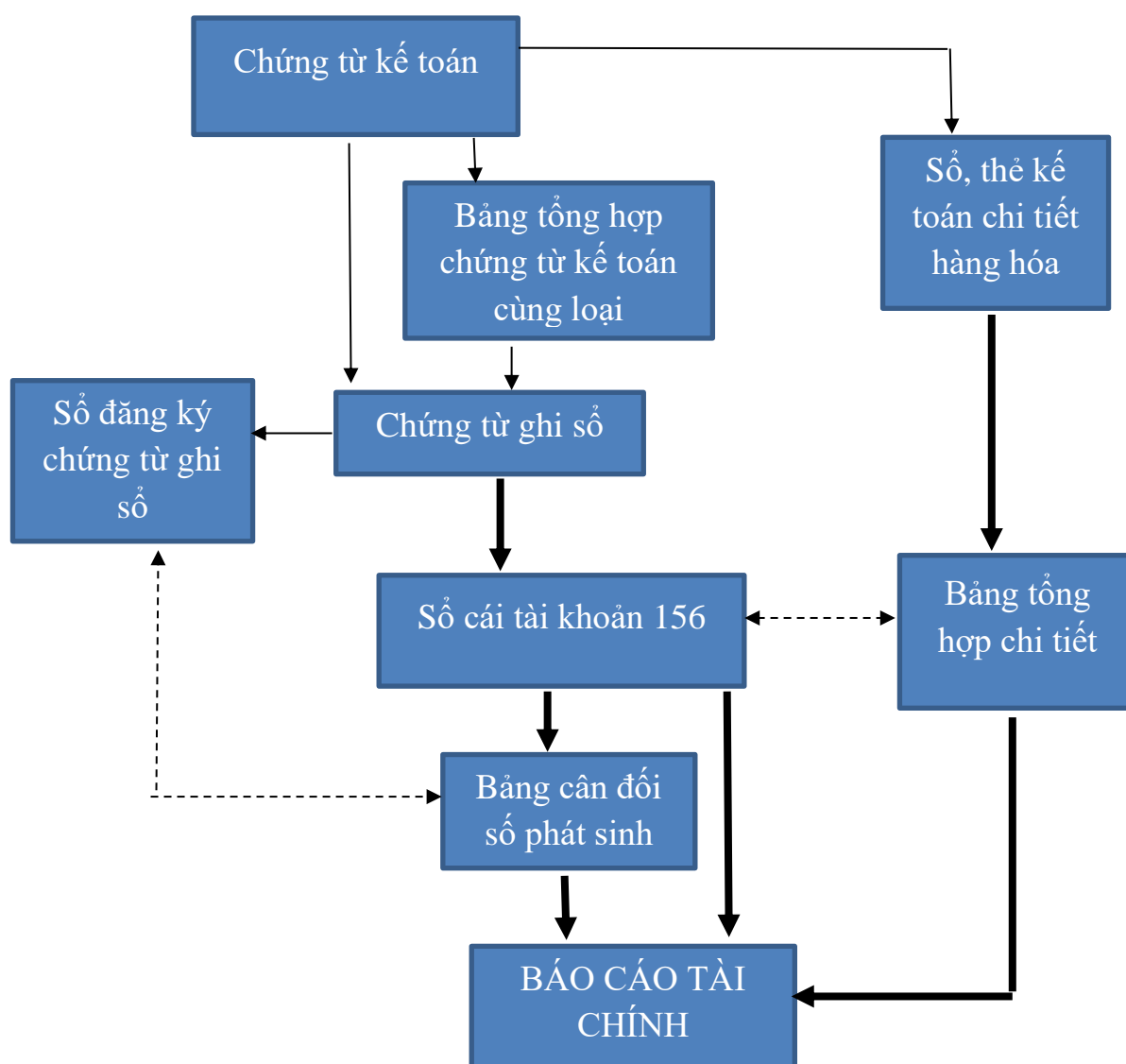
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Việc ghi sổ kế toán sẽ bao gồm: Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ và ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái. Với hình thức này, căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán là chứng từ ghi sổ.

Chứng từ ghi sổ do kế toán viên tổng hợp trên cơ sở nội dung nghiệp vụ của từng chứng từ kế toán hoặc từ bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

Chứng từ ghi sổ được đánh dấu liên tục theo từng tháng – dựa theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ - ghi sổ và có chứng từ kế toán đính kèm theo. Thông tin trên chứng từ ghi sổ phải được kế toán trưởng xét duyệt trước khi sử dụng làm căn cứ để ghi sổ.

Các loại sổ sách phục vụ cho hình thức ghi sổ này: Chứng từ ghi sổ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ cái, các thẻ, sổ kế toán chi tiết



- **Ghi chú:**

→ Ghi hàng ngày

- Ghi cuối kỳ
- ↔ Đồi chiểu, kiểm tra

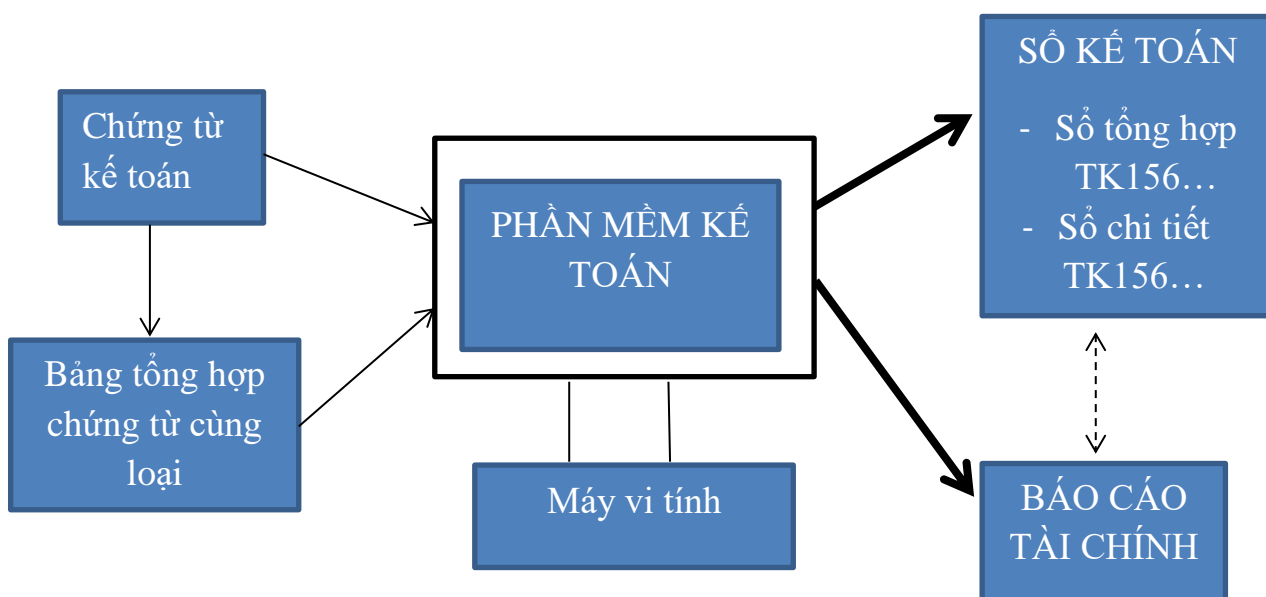
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán chứng từ ghi

1.4.4. Hình thức ghi sổ kế toán trên máy

- Đặc điểm cơ bản:

Có nghĩa là sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng để ghi chép số liệu kế toán

Trong phần mềm kế toán có thiết kế các loại sổ kế toán tương ứng với hình thức ghi chép đó, nhưng kết cấu sẽ không hoàn toàn giống với mẫu sổ ghi bằng tay.



• Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ↔ Đồi chiểu

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán hàng hóa theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng*

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUE PHONG TRANDING JOINT STOCK
- Tên công ty viết tắt: QUE PHONG JSC
- Tên giám đốc: NGUYỄN QUANG QUẾ
- Địa chỉ: số 52 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- MST: 0200572614
- ĐT: (0255)3570720– Fax: (0255)3593073
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại Quế Phòng được thành lập vào ngày 10/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/4/2014.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.0000đ

Giấy phép kinh doanh số: 0200572614

Số lượng cán bộ công nhân viên: 39 nhân viên (bao gồm 9 nhân viên văn phòng và 30 công nhân)

Ngành nghề chính: bán buôn kim loại và quặng kim loại

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng được thành lập ngày 10/12/2003 theo giấy phép kinh doanh số 0200572614 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng. Công ty đã và đang hoạt động theo pháp luật hiện hành của nhà nước, có nhiệm vụ chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các chế độ chính sách, kế toán thống kê, báo cáo định kỳ theo quy định của nhà nước và cơ quan quản lý ngành, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình và thực hiện nghĩa vụ thuế theo luật định.

Được thành lập vào năm 2003, những năm đầu bước vào hoạt động sản xuất còn gặp nhiều khó khăn nhưng do có chiến lược và hướng đi đúng công ty đã từng bước phát triển và khẳng định trên con đường đi riêng của mình. Được sự tin tưởng của khách hàng, việc kinh doanh của công ty ngày càng thuận lợi. Trong quá trình kinh doanh, công ty đã kịp thời nắm bắt nhu cầu thị trường và đã mạnh dạn mở rộng đầu tư kinh doanh đa dạng mặt hàng. Bên cạnh đó, công ty luôn nhận thức đầy đủ về những khó khăn, thách thức phía trước và luôn đặt ra nhiệm vụ chiến lược, luôn phấn đấu nâng cao hiệu quả kinh doanh nhằm bảo

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

toàn, phát triển vốn và tài sản bổ sung, tích lũy thêm nguồn vốn kinh doanh. Từ năm 2003 – 2014, công ty đã nâng mức tổng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng và đến nay công ty đã sở hữu một tòa nhà văn phòng với một kho bãi rộng khoảng 2000m².

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

a. Chức năng.

Chức năng chủ yếu của công ty là lưu thông hàng hóa. Để thực hiện tốt chức năng này, công ty phải thực hiện phân loại, chọn lọc, vận chuyển hàng hóa về kho bãi để cung ứng đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, đúng chất lượng, số lượng cho khách hàng. Mặt khác, trong quá trình thực hiện lưu thông hàng hóa, công ty còn phải thực hiện việc đầu tư, khai thác tạo nguồn hàng để tạo ra các sản phẩm thay thế hàng ngoại nhập có giá cả phải chăng để chủ động trong nguồn hàng và thích hợp với nhu cầu của khách hàng.

b. Nhiệm vụ

Với định hướng phát triển bền vững và lâu dài, công ty đã đặt ra các nhiệm vụ mang tính định hướng chung như sau:

Thực hiện tốt kế hoạch đã đặt ra với phương châm năm sau cao hơn năm trước đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước về việc nộp đầy đủ các khoản thuế cho ngân sách nhà nước.

Hoạt động trong lĩnh vực nhà nước cho phép, thực hiện đúng các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm với hoạt động kinh doanh của mình.

Thực hiện tốt các chế độ lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên. Đảm bảo tốt công tác quản lý lao động, không ngừng cải thiện cơ cấu quản lý bằng việc áp dụng các tiến bộ mới.

Thực hiện tốt các cam kết trong hợp đồng kinh tế với các đơn vị khác nhằm đảm bảo đúng chất lượng tạo mối quan hệ tốt với khách hàng và tăng uy tín của công ty trên thị trường.

Đảm bảo quyền và nghĩa vụ chính đáng của cổ đông về việc được chia lợi nhuận đúng thời gian quy định, được biết các thông tin về tình hình hoạt động của công ty.

2.1.3. Đặc điểm kinh doanh của công ty

Hoạt động kinh tế chủ yếu của kinh doanh thương mại là lưu chuyển hàng hóa. Quá trình lưu chuyển hàng hóa thực chất là quá trình đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng thông qua hoạt động mua bán, trao đổi sản phẩm hàng hóa nhằm thỏa mãn nhu cầu hàng hóa của người tiêu dùng. Để thỏa mãn nhu cầu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

của khách hàng, công ty phải mua những mặt hàng có chất lượng tốt, đúng yêu cầu của khách hàng, nhưng phải ở nơi có nguồn hàng phong phú, nhiều, rẻ, sau khi cộng với chi phí lưu thông đưa đến thị trường bán, khách hàng vẫn có thể chấp nhận được.

Ngành nghề kinh doanh của công ty trong đăng ký kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, hàng kim khí	4511
3	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4512
4	Bán lẻ ô tô con (Loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4513
5	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4530
6	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4541
7	Bán mô tô, xe máy	4543
8	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy	4933
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	5210
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5224
11	Bốc xếp hàng hóa	5510
12	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5610
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Trừ quán bar)	7911
14	Đại lý du lịch	7912
15	Điều hành tua du lịch	7920
16	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	5221

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	2592
18	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2511
19	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2512
20	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	4752
21	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4520
22	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4542
23	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4659
24	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	8299
25	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	4620
26	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	2012
27	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	3011
28	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3012
29	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3315
30	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Các nhà cung cấp chủ yếu:

- Hàng nội địa:
 - Công ty cổ phần nội thất 190
 - Công ty TNHH ống thép 190
 - Công ty CPTM hàng hóa quốc tế IPC
 - Công ty TNHH Citicom

Các khách hàng chủ yếu:

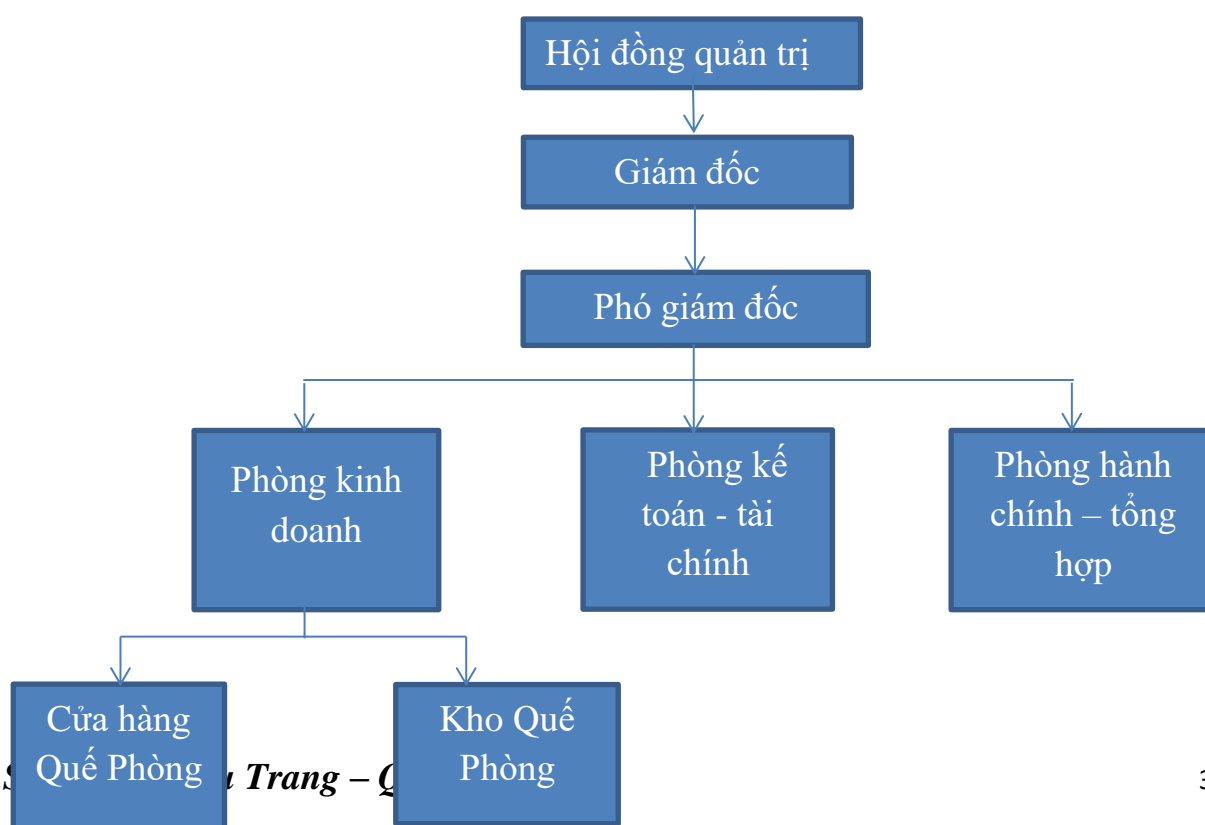
- Công ty TNHH Dương Hải
- Công ty TNHH đóng tàu Long Hải Quảng Ninh
- Công ty CP thép HTS
- Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

Các mặt hàng chủ yếu:

- Thép tấm
- Thép hình chữ U, I, V, H
- Thép hộp
- Thép lưới
- Thép ống
- Thép tròn

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của công ty.

Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp là cơ cấu theo trực tuyến. Đây là một mô hình tổ chức quản lý, trong đó nhà quản trị ra quyết định và giám sát trực tiếp đối với cấp dưới và ngược lại. Mỗi người cấp dưới chỉ nhận sự điều hành và chịu trách nhiệm trước một người lãnh đạo trực tiếp cấp trên.



Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Hội đồng quản trị: Là các cổ đông góp vốn vào công ty – những người quản lý cao nhất của công ty có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty. Giám sát giám đốc và những cán bộ quản lý khác của công ty. Với Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng thì hội đồng quản trị gồm 3 người là các cổ đông sáng lập công ty.

Giám đốc: Chỉ đạo và giám sát chung toàn bộ mọi hoạt động của công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động, kết quả kinh doanh của công ty.

Phó giám đốc: Chịu trách nhiệm giúp giám đốc công ty điều hành một số lĩnh vực của công ty theo sự phân công ủy quyền và chịu trách nhiệm trước giám đốc về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Phòng kinh doanh: Có nhiệm vụ tham mưu và xây dựng cho lãnh đạo công ty về kế hoạch kinh doanh của công ty, phát triển thị trường, xây dựng và phát triển mối quan hệ khách hàng, chịu trách nhiệm giới thiệu sản phẩm rộng rãi, thực hiện việc ký hợp đồng cho công ty. Thực hiện các biện pháp thúc đẩy việc tiêu thụ hàng hóa.

Phòng kế toán - tài chính: Là phòng ban tham mưu cho giám đốc công ty về công tác tài chính kế toán, đảm bảo phản ánh kịp thời chính xác các nhiệm vụ kinh tế phát sinh toàn công ty.

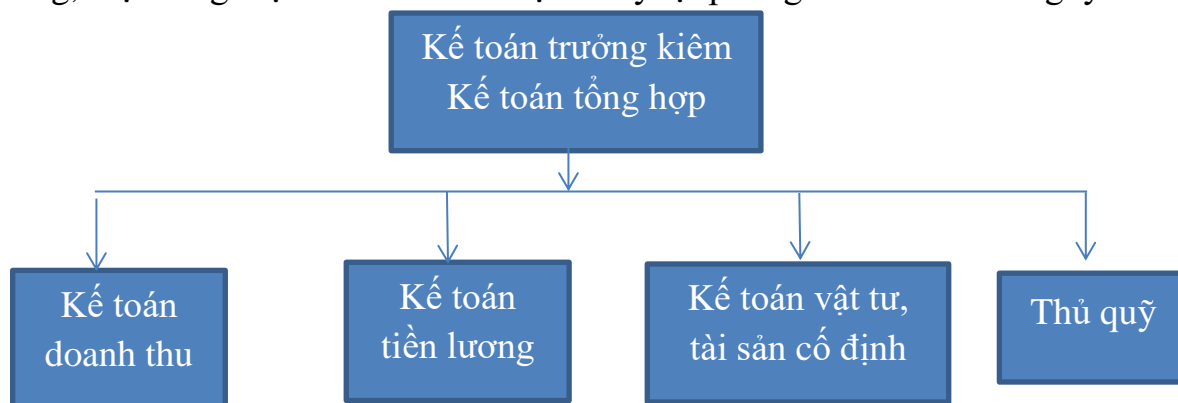
Phòng hành chính – tổng hợp: thực hiện các chính sách về tuyển dụng và đào tạo cán bộ công nhân viên, quản lý hồ sơ, lý lịch công nhân, thống kê và quản lý lao động trong công ty.

Các phòng ban chức năng đều có quan hệ chặt chẽ, cung cấp số liệu cho nhau nhằm đạt được mục tiêu chung là nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

Kho và cửa hàng: Có nhiệm vụ giao hàng hóa đủ - đúng chủng loại, quy cách, số lượng theo yêu cầu, chịu trách nhiệm giao dịch với khách hàng, thông báo về khả năng, ngày giờ cấp hàng đảm bảo chính xác về số lượng, an toàn về chất lượng, hợp lý về giá cả nhằm hỗ trợ cho công tác kế toán trong việc thống kê chính xác số liệu.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty cổ phần thương mại quế phòng đã áp dụng mô hình bộ máy kế toán tập trung, mọi công việc kế toán đều được xử lý tại phòng kế toán của công ty.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán:

Kế toán trưởng: Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán tại đơn vị. Kiểm tra giám sát các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản tại đơn vị. Phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán. Phân tích thông tin, số liệu kế toán tại đơn vị. Tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của đơn vị. Cuối mỗi kỳ kế toán, gửi báo cáo tài chính cho giám đốc công ty, kiểm toán nội bộ.

Kế toán doanh thu: Nhiệm vụ của bộ phận này là cập nhật số liệu doanh thu hàng ngày của doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh, thực hiện việc hạch toán doanh thu hàng ngày, lập phiếu kế toán doanh thu, làm báo cáo doanh thu, lập báo cáo các khoản điều chỉnh giảm trừ đã được phê duyệt và trình lên cấp trên.

Kế toán vật tư, TSCĐ: Lập phiếu nhập xuất kho mỗi khi nhập hay xuất hàng hóa. Vào sổ chi tiết theo dõi nhập xuất tồn kho theo từng mặt hàng có trong kho. Định kỳ đối chiếu kiểm kê giữa kho và sổ theo dõi tồn kho. Sau khi kiểm kê phải có biên bản ghi lại đủ hay thiếu để quy trách nhiệm xử lý. Thực hiện ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu một cách đầy đủ, kịp thời về số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển TSCĐ, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ.

Kế toán tiền lương: Thực hiện tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp các số liệu về số lượng lao động, thời gian kết quả lao động, năng suất lao động, tính lương và các khoản trích theo lương, sau đó phân bổ chi phí lao động theo các đối tượng sử dụng lao động. Theo dõi tình hình trả - tạm ứng tiền lương, tiền thưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp cho người lao động.

Thủ quỹ: Quản lý quỹ tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu, chi do kế toán tiền mặt đưa sang để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phần thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu phần thu chi với kế toán tiền mặt.

- *Các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty như sau:*
 - Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam.
 - Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
 - Ghi nhận và khấu hao TSCĐ: TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

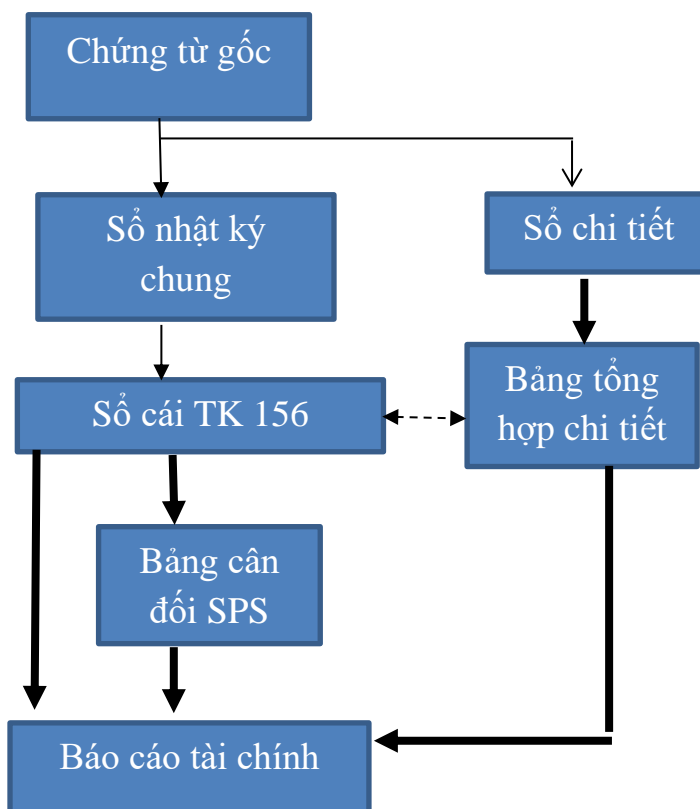
2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức vận dụng chế độ kế toán ở công ty

- **Chế độ kế toán**

- Chế độ kế toán áp dụng ở công ty là chế độ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

- **Hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty:**

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được ghi nhận đã được ghi nhận vào sổ nhật ký chung dựa trên các chứng từ kế toán: Hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi... Dựa vào những dữ liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái cho từng đối tượng kế toán theo trình tự thời gian. Trình tự ghi sổ kế toán được tổng quát theo sơ đồ sau:



- **Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.3: Chu trình ghi sổ tổng hợp tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.4.3. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán

Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo tình hình tài chính – Mẫu B01a-DNN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu B02-DNN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu B03-DNN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu B09-DNN

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp,... và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước...

2.2. Thực trạng công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.1. Đặc điểm về hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Công ty cổ phần thương mại Quế Phòng là công ty thương mại. Do đó hàng hóa cũng rất đa dạng về chủng loại. Thực tế đó đặt ra cho công ty những yêu cầu cấp thiết trong công tác quản lý, hạch toán các quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản dự trữ và sử dụng hàng hóa. Tuy nhiên tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng các loại hàng hóa mới chỉ được mã hóa theo tên gọi như sắt, thép, vật liệu xây dựng, ... Hiện nay công ty vẫn chưa xây dựng sổ danh điểm hàng hóa và việc đặt mã số để quản lý hàng hóa chưa theo một tiêu thức nào nên công tác hạch toán hàng hóa chưa được khoa học và hiệu quả.

2.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.2.1. Thủ tục nhập, xuất kho trong công tác kế toán tại công ty

a, Thủ tục nhập kho hàng hóa

Bộ phận cung cấp hàng hóa sẽ căn cứ vào kế hoạch mua hàng đã ký kết để tiến hành mua hàng. Nhân viên mua hàng, hoặc người nhập hàng sẽ có yêu cầu nhập kho.

Việc quản lý chặt chẽ hàng hóa nhập kho là vấn đề quan trọng giúp cho công ty đảm bảo được tình hình cung cấp hàng hóa, đánh giá được việc thường xuyên cung cấp hàng hóa, đánh giá được chi phí đầu vào của công ty. Do đó các chứng từ hóa đơn phải được lưu trữ đầy đủ theo quy định hiện hành. Chứng từ sử dụng cho thủ tục nhập hàng hóa gồm:

- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu nhập kho

Sau khi có phiếu nhập kho, nhân viên mua hàng sẽ giao hàng cho thủ kho.

Hàng được kiểm đếm và nhập kho. Trường hợp hàng hóa có thừa, thiếu, thủ kho phải lập biên bản và báo cáo ngay với người có trách nhiệm để xử lý theo quy định

Kế toán kho nhận được yêu cầu nhập kho và lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuống
- Liên 2: Phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ
- Liên 3: Thủ kho giữ để làm thẻ kho

Căn cứ vào phiếu nhập kho, kế toán kho sẽ ghi sổ kho và hạch toán hàng nhập

Tính giá hàng hóa nhập kho

$$\text{Giá thực tế HH nhập kho} = \text{Giá trị trên hóa đơn của người bán} + \text{Chi phí mua hàng} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

Trong đó:

- Giá ghi trên hóa đơn của người bán: Là giá chưa có thuế
- Chi phí mua hàng gồm: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ...
- Các khoản giảm trừ: Là những khoản phát sinh được điều chỉnh giảm trong kỳ kế toán. Bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Ví dụ 1 về mua hàng nhập kho: Ngày 1/11/2019 Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng mua thép của Công ty TNHH ống thép 190 theo HĐ 0000678, trị giá chưa có thuế GTGT 10%: 220.804.550đồng, chưa thu tiền. Bên bán giao tại kho cho công ty nên giá thực tế của thép nhập kho là giá ghi trên hóa đơn chưa có thuế GTGT, số tiền: 220.804.550đồng.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKTT3/001			
Liên 2: Giao cho khách hàng		Ký hiệu: 01AA/19P			
Ngày 1 tháng 11 năm 2019		Số: 0000678			
Đơn bị bán hàng: Công ty TNHH ống thép 190					
Mã số thuế: 0200414657					
Địa chỉ: Số 92 khu Cam Lộ, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng.					
Điện thoại: (0255)3538743			Fax: (0255)3798111		
Số tài khoản: 863295739 – NH Thương mại CP Á Châu – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Bạch Ngọc Hưng					
Tên đơn vị: Công ty CP Thương mại Quế Phòng					
Mã số thuế: 0200572614					
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
Số tài khoản: 6892472837 – NH Thương mại CP Á Châu – CN Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thép H194x150	Kg	6.489	12.450	80.788.050
2	Thép H194x151	Kg	7.650	12.450	95.242.500
3	Thép H100	Kg	3.670	12.200	44.774.000
Cộng tiền hàng					220.804.550
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		22.080.455
Tổng cộng tiền thanh toán					242.885.005
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm lẻ năm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu số 2.2: Biên bản giao nhận hàng hóa
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày 1 tháng 11 năm 2019, Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (0255)3570720

Fax: (0255)3593073

Đại diện: Ông Bạch Ngọc Hưng

Chức vụ: Nhân viên

Bên B (Bên giao hàng): Công ty TNHH ống thép 190

Địa chỉ: Số 92 khu Cam Lộ, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: (0255)3538743

Fax: (0255)3798111

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Tiến

Chức vụ: Nhân viên

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hóa bàn giao như nhau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đúng quy cách	Không đúng quy cách
1	Thép H194x150	kg	6.489	X	
2	Thép H194x151	kg	7.650	X	
3	Thép H100	kg	3.670	X	

- Kèm theo chứng từ: Hóa đơn giá trị gia tăng số **0000678**
- Biên bản kết thúc vào hồi 09h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên
- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ thanh toán.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu số 2.3: Phiếu nhập kho

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Mẫu số 01 – VT

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 1 tháng 11 năm 2019

Nợ: 156 220.804.550

Có: 331 220.804.550

Số: **0860**

Nhập của Ông (bà): **Trần Văn Tiến**

Địa chỉ: Công ty TNHH ống thép 190

Nhập tại kho: Công ty CP Thương mại Quế Phòng

Stt	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép H194x150		kg	6.489	6.489	12.450	80.788.050
2	Thép H194x151		kg	7.650	7.650	12.450	95.242.500
3	Thép H100		kg	3.670	3.670	12.200	44.774.000
	Cộng						220.804.550

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm linh bốn nghìn, lăm trăm lăm mươi nghìn đồng.
- Số chứng từ gốc kèm theo: Hóa đơn GTGT 0000678, Biên bản giao nhận hàng hóa

Ngày 1 tháng 11 năm 2019

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

b, Thủ tục xuất kho hàng hóa

- Quy trình xuất kho

Bước 1: Tiến hành gửi yêu cầu xuất hàng

Bước 2: Bước tiếp theo là tiến hành kiểm tra hàng tồn kho. Thao tác này sẽ do kế toán thực hiện. Khi hàng hóa đầy đủ theo yêu cầu sẽ được tiến hành xuất kho.

Bước 3: Phiếu xuất kho và hóa đơn hàng hóa được lập. Các kế toán sẽ dựa vào các thông tin của đơn hàng sau đó lập phiếu xuất kho và sẽ chuyển cho các thủ kho để xuất kho theo đúng yêu cầu.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuống
- Liên 2: Lưu tại phòng kế toán
- Liên 3: Chuyển cho thủ kho

Bước 4: Tiếp theo sẽ tiến hành xuất kho. Các thủ kho sẽ phải dựa vào các thông tin đã ghi ở phiếu xuất kho để xuất hàng đầy đủ nhất. Đặc biệt phiếu này bắt buộc phải có chữ ký xác nhận của các bộ phận .

Bước 5: Các kế toán sẽ bắt đầu cập nhật lại thông tin về hàng đã xuất kho nhằm cho ra kết quả chính xác nhất.

Cách tính giá hàng hóa xuất kho: Kế toán đã áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ để tính giá hàng hóa xuất kho. Hàng hóa xuất kho được tính như sau:

$$\text{Trị giá xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho} * \text{Đơn giá}$$

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa trong kỳ}}$$

Do công ty tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên trên phiếu xuất kho chỉ ghi số lượng không ghi số tiền.

Ví dụ 2 về xuất kho hàng hóa: Ngày 5/11/2019 Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng xuất bán thép cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An, chưa thu tiền.

Mô tả cách xác định trị giá hàng hóa xuất kho:

+ **Đơn giá Thép H194x1500 xuất kho được xác định như sau:**

Số lượng Thép 194x150 tồn là 1.630 kg, trị giá Thép 194x150 tồn đầu tháng 11/2019 là 20.326.100 đồng.

Số Thép H194x150 nhập trong tháng 11/2019 là: 39.600 kg, trị giá: 493.020.000 đồng.

Vậy đơn giá Thép H194x150 xuất kho bình quân tháng 11/2019 được tính như sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{20.326.100 + 493.020.000}{1.630 + 39.600} = 12.450,8$$

Như vậy, đơn giá thép H194x150 bình quân tháng 11 được tính xấp xỉ bằng 12.450,8 đồng/kg.

Đến cuối tháng 11/2019, kế toán công ty tính được trị giá Thép H194x150 xuất kho trong tháng 11/2019: $37.640 \times 12.450,8 = 468.648.112$ đồng.

(Hai hàng hóa còn lại xác định tương tự)

Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Mẫu số 02 – VT

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 5 tháng 11 năm 2019

Số: 0910

Họ tên người nhận hàng: **Trịnh Xuân Nam**

Địa chỉ: Nhân viên phòng kinh doanh

Nội dung: Xuất bán hàng hóa cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

Xuất tại kho: Công ty

Stt	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Thép H194x150		kg	5.230	5.230		
2	Thép H194x151		kg	5.160	5.160		
3	Thép H100		kg	2.870	2.870		
	Cộng						

- Số chứng từ gốc kèm theo: Biên bản giao nhận và HĐ GTGT số 000928

Ngày 5 tháng 11 năm 2019

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKTT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: 01AA/19P			
Ngày 5 tháng 11 năm 2019		Số: 0000928			
Đơn bị bán hàng: Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng					
Mã số thuế: 0200572614					
Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Điện thoại: (0255)3570720			Fax: (0255)3593073		
Số tài khoản: 6892472837 – NH Thương mại CP Á Châu – CN Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Trịnh Xuân Nam					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Bảo An					
Mã số thuế: 0200682529					
Địa chỉ: Số 3A phố Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK					
Số tài khoản: 947286482 – NH Thương mại CP Á Châu – CN Hải Phòng					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thép H194x150	Kg	5.230	13.120	68.617.600
2	Thép H194x151	Kg	5.160	13.120	67.699.200
3	Thép H100	Kg	2.870	12.560	36.047.200
Cộng tiền hàng					172.364,000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		17.236.400
Tổng cộng tiền thanh toán					189.600.400
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm nghìn, bốn trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu số 2.6: Biên bản giao nhận hàng hóa
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----00o-----

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Hôm nay, ngày 5 tháng 11 năm 2019, Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên nhận hàng): Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An

Địa chỉ: Số 3A phố Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (0255)3797877

Đại diện: Ông Trịnh Xuân Nam

Chức vụ: Nhân viên

Bên B (Bên giao hàng): Công ty CP Thương mại Quế Phòng

Địa chỉ: Số 52 đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (0255)3570720

Fax: (0255)3593073

Đại diện: Ông Bạch Ngọc Hưng

Chức vụ: Nhân viên

Hai bên cùng nhau thống nhất số lượng hàng hóa bàn giao như nhau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đúng quy cách	Không đúng quy cách
1	Thép H194x150	Kg	5.230	X	
2	Thép H194x151	Kg	5.160	X	
3	Thép H10	Kg	2.870	X	

- Kèm theo chứng từ: Hóa đơn GTGT số **0000928**, phiếu xuất kho số **0910**
- Biên bản kết thúc vào hồi 09h cùng ngày. Hai bên đều thống nhất ký tên
- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để làm chứng từ thanh toán.

Đại diện bên A

Đại diện bên B

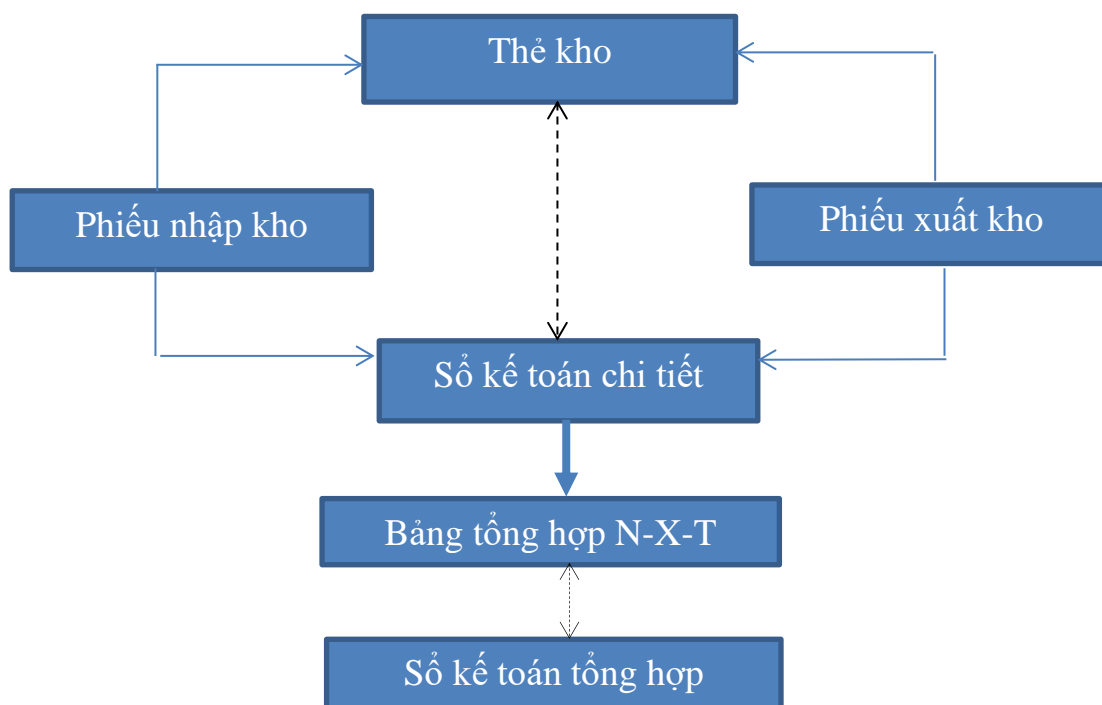
(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

2.2.2.2. Kế toán chi tiết hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty được thực hiện chi tiết với các loại hàng hóa lưu chuyển qua kho cả về chỉ tiêu giá trị lẫn hiện vật. Đây là công tác quản lý hàng hóa cần có ở công ty. Hạch toán nhập – xuất – tồn hàng hóa phải được phản ánh theo giá thực tế.

Việc hạch toán chi tiết hàng tồn kho phải được thực hiện hàng ngày ở từng kho và từng loại vật tư, hàng hóa. Cuối tháng, phải tổng hợp số liệu để xác định giá vốn của hàng tiêu thụ.

Kế toán chi tiết ở công ty cổ phần thương mại Quế Phòng đã lựa chọn theo phương pháp thẻ song song để quản lý tình hình biến động hàng hóa.



• **Ghi chú**

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối kỳ
- <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ kế toán chi tiết hàng hóa tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng.

Do đó, việc hạch toán chi tiết hàng tồn kho được tiến hành đồng thời tại hai bộ phận: Kế toán và kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tại kho: Thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất hàng hóa để ghi số lượng vào thẻ kho từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng hàng hóa tồn kho thực tế với số liệu trên thẻ kho.

$$\text{Số lượng tồn cuối kỳ} = \text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập kho trong kỳ} - \text{Số lượng xuất trong kỳ}$$

Tại phòng kế toán: Kế toán cũng căn cứ vào chứng từ nhập, xuất hàng hóa để ghi số lượng và tính thành tiền vào sổ chi tiết hàng hóa. Sổ được ghi hàng ngày và mở tương ứng với thẻ kho mở kho. Đối với chứng từ xuất, do công ty tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên trên phiếu xuất kho chỉ ghi số lượng do vậy kế toán chỉ ghi vào sổ chi tiết số lượng xuất kho theo phiếu xuất kho.

Ví dụ minh họa:

+ **Tiếp theo ví dụ 1 về nhập kho hàng hóa:** Ngày 1/11/2019 Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng mua thép của Công ty TNHH ống thép 190 theo HĐ 0000678, trị giá chưa có thuế GTGT 10%: 220.804.550đồng, chưa trả tiền

- *Tại kho:* Căn cứ vào phiếu nhập kho, thủ kho ghi vào thẻ kho
- *Tại phòng kế toán:* Kế toán ghi chi tiết hàng hóa tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hóa tương ứng. Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa, kế toán lập sổ tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa.

+ **Tiếp theo ví dụ 2 về xuất kho hàng hóa:** Ngày 5/11/2019 Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng xuất bán thép cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An, chưa thu tiền.

- *Tại kho:* Căn cứ vào phiếu xuất kho, thủ kho ghi vào thẻ kho (biểu số 2.7, biểu số 2.8, biểu số 2.9)
- *Tại phòng kế toán:* Kế toán ghi chi tiết hàng hóa, tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hóa tương ứng (biểu số 2.10, biểu số 2.11, biểu số 2.12).

Do công ty tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ nên trên phiếu xuất chỉ ghi số lượng nên kế toán cũng chỉ ghi vào sổ chi tiết hàng hóa theo tiêu thức số lượng đến cuối tháng mới tổng hợp số liệu trên sổ chi tiết hàng hóa để tính trị giá Thép các loại xuất kho trong tháng.

Cuối tháng, căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa, kế toán lập sổ tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn hàng hóa (biểu số 2.13)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Thẻ kho của mặt hàng thép H194x150

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S12 – DNN

*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT –
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)*

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/11/2019

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép H194x150

Đơn vị tính: Kg

STT	Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				<u>Tồn đầu tháng 11</u>				<u>1.630</u>
1	01/11	PN860		Nhập kho Thép H194x150	01/11	6.489		8.119
2	05/11		PX910	Xuất kho Thép H194x150	05/11		5.230	2.889
3	06/11	PN874		Nhập kho Thép H194x150	06/11	5.328		8.217
4	10/11		PX917	Xuất kho Thép H194x150	10/11		7.682	535
							
				<u>Công phát sinh</u>		39.600	37.640	
				<u>Tồn cuối tháng 11</u>				<u>3.590</u>

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8: Thẻ kho của mặt hàng thép H194x151

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S12 – DNN

*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT –
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)*

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/11/2019

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép H194x151

Đơn vị tính: Kg

STT	Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				<u>Tồn đầu tháng 11</u>				<u>1.780</u>
1	01/11	PN860		Nhập kho Thép H194x151	01/11	7.650		<u>9.430</u>
2	05/11		PX910	Xuất kho Thép H194x151	05/11		5.160	4.270
3	06/11	PN874		Nhập kho Thép H194x151	06/11	6.399		10.669
4	10/11		PX917	Xuất kho Thép H194x151	10/11		9.370	1.299
							
				<u>Công phát sinh</u>		25.560	24.360	
				<u>Tồn cuối tháng 11</u>				<u>2.980</u>

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9: Thẻ kho của mặt hàng thép H100

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S12 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT –
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/11/2019

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép H100

Đơn vị tính: Kg

STT	Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng		
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn
				<u>Tồn đầu tháng 11</u>				<u>670</u>
1	01/11	PN860		Nhập kho Thép H100	01/11	3.670		4.340
2	05/11		PX910	Xuất kho Thép H100	05/11		2.870	1.470
3	06/11	PN874		Nhập kho Thép H100	06/11	9.478		10.948
4	10/11		PX917	Xuất kho Thép H100	10/11		8.960	1.988
							
				<u>Cộng phát sinh</u>		20.480	18.500	
				<u>Tồn cuối tháng 11</u>				<u>2.650</u>

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: Sổ chi tiết hàng hóa thép H194x150

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số; S06 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tên hàng hóa: Thép H194x150, Tài khoản: 156 – Hàng hóa

Tháng 11 năm 2019

Đơn giá bình quân T11:12.450,8 đ/kg

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
			Số dư đầu tháng 11		12.470					1.630	20.326.100
01/11	PN860	01/11	Nhập kho thép H194x150	331	12.450	6.489	80.788.050			8.119	
05/11	PX910	05/11	Xuất kho thép H194x150	632				5.230		2.889	
06/11	PN874	06/11	Nhập kho thép H194x150	331	12.450	5.328	66.333.600			8.217	
10/11	PX917	10/11	Xuất kho thép H194x150	632				7.682		535	
										
			Tổng số phát sinh			39.600	493.020.000	37.640	468.648.112		
			Số dư cuối tháng 11		12.450,8					3.590	44.697.988

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp

(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11: Sổ chi tiết hàng hóa thép H194x151

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số; S06 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tên hàng hóa: Thép H194x151, Tài khoản: 156 – Hàng hóa

Tháng 11 năm 2019

Đơn giá bình quân T11: 12.451,3 đ/kg

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
			Số dư đầu tháng 11		12.470					1.780	22.196.600
01/11	PN860	01/11	Nhập kho thép H194x151	331	12.450	7.650	95.242.500			9.430	
05/11	PX910	05/11	Xuất kho thép H194x151	632				5.160		4.270	
06/11	PN874	06/11	Nhập kho thép H194x151	331	12.450	6.399	79.667.550			10.669	
10/11	PX917	10/11	Xuất kho thép H194x151	632				9.370		1.299	
										
			Tổng số phát sinh			25.560	318.222.000	24.360	303.313.668		
			Số dư cuối tháng 11		12.451,3					2.980	37.104.932

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp

(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết hàng hóa thép H100

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số; S06 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tên hàng hóa: Thép H100

Tài khoản: 156 – Hàng hóa

Tháng 11 năm 2019

Đơn giá bình quân T11: 12.200,6 đ/kg

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
			Số dư đầu tháng 11		12.218					670	8.186.060
01/11	PN860	01/11	Nhập kho thép H100	331	12.200	3.670	4.477.400			4.340	
05/11	PX910	05/11	Xuất kho thép H100	632				2.870		1.470	
06/11	PN874	06/11	Nhập kho thép H100	331	12.200	9.478	115.631.600			10.948	
10/11	PX917	10/11	Xuất kho thép H100	632				8.960		1.988	
										
			Tổng số phát sinh			20.480	249.856.000	18.500	225.711.100		
			Số dư cuối tháng 11		12.200,6					2.650	32.330.960

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp

(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

Biểu số 2.13: Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số; S11 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NHẬP – XUẤT – TỒN - KHO HÀNG HÓA

Tháng 11/2019

Tên tài khoản: 156-Hàng hóa

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			SL	Giá trị	SL	Giá trị	SL	Giá trị	SL	Giá trị
1	Thép H194x150	Kg	1.630	20.326.100	39.600	493.020.000	37.640	468.648.112	3.590	44.697.988
2	Thép H194x151	Kg	1.780	22.196.600	25.560	318.222.000	24.360	303.313.668	2.980	37.104.932
3	Thép H100	Kg	670	8.186.060	20.480	249.856.000	18.500	225.711.100	2.650	32.330.960
								
	Cộng			1.458.860.500		3.279.291.470		3.630.470.900		1.107.681.070

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

2.2.3. Kế toán tổng hợp hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

2.2.3.1: Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng khi mua hàng
- Các chứng từ thanh toán tiền khi mua hàng
- Biên bản kiểm nhận hàng hóa
- Phiếu nhập kho
- Biên bản kiểm kê hàng tồn kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hóa đơn giá trị gia tăng khi xuất bán hàng hóa

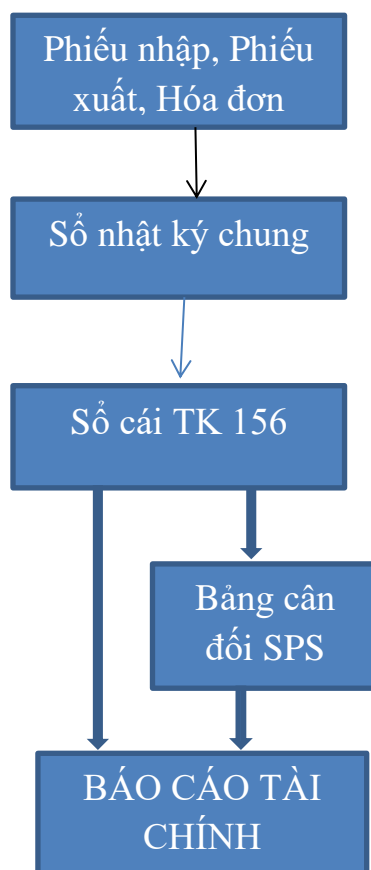
2.2.3.2: Tài khoản sử dụng

Tài khoản 156: Hàng hóa

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan như: TK331, TK133,...

2.2.3.3: Quy trình hạch toán

Ở phòng kế toán, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT, kế toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung và sổ chi tiết hàng hóa. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 156. Cuối tháng hoặc cuối quý, kế toán kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ cái TK 156 với bảng tổng hợp chi tiết TK 156 xem có khớp đúng không. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính.



• **Ghi chú:**

→ Ghi hàng ngày

→ Ghi cuối kỳ

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán hàng hóa tại công ty cổ phần thương mại Quế Phòng

Ví dụ minh họa:

+ **Tiếp theo ví dụ 1:** Ngày 1/11/2019 Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng mua thép của Công ty TNHH ông thép 190 theo HĐ 0000678, trị giá chưa có thuế GTGT 10%: 220.804.550 đồng, chưa thu tiền.

Căn cứ vào phiếu nhập kho và các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán lập sổ cái tài khoản 156, TK133, TK331.

+ **Tiếp theo ví dụ 2:** Ngày 5/11/2019 Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng xuất bán thép cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An, chưa thu tiền.

Kế toán căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa để tính đơn giá bình quân tháng 11 cho các loại thép rồi lập Bảng kê xuất kho ghi trị giá hàng xuất kho trong tháng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào bảng kê xuất kho hàng hóa, kế toán ghi vào Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản 156, sổ cái TK 632.

Biểu số 2.14: Bảng kê xuất kho thép H194x150

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT HÀNG HÓA

Tháng 11 năm 2019

Tên quy cách hàng hóa: Thép 194x150

Số: 1/11

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK632 Số lượng (kg)	Ghi chú
SH	NT			
PX910	05/11	Xuất kho thép bán cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An	5.230	
PX917	10/11	Xuất kho thép bán cho Công ty CP thép HTS	7.682	
			
PX932	20/11	Xuất kho thép bán cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An	9.334	
			
		Tổng số lượng xuất trong kỳ	37.640	
		Đơn giá xuất	12.450,8	
		Thành tiền xuất trong tháng	468.648.112	

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Bảng kê xuất kho thép H194x151

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT HÀNG HÓA

Tháng 11 năm 2019

Tên quy cách hàng hóa: Thép 194x151

Số: 2/11

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK632 Số lượng (kg)	Ghi chú
SH	NT			
PX910	05/11	Xuất kho thép bán cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An	5.160	
PX917	10/11	Xuất kho thép bán cho Công ty CP thép HTS	9.370	
			
PX932	20/11	Xuất kho thép bán cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An	7.640	
			
		Tổng số lượng xuất trong kỳ	24.360	
		Đơn giá xuất	12.451,3	
		Thành tiền xuất trong tháng	303.313.668	

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Bảng kê xuất kho thép H100

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT HÀNG HÓA

Tháng 11 năm 2019

Tên quy cách hàng hóa: Thép H100

Số: 3/11

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK632 Số lượng (kg)	Ghi chú
SH	NT			
PX910	05/11	Xuất kho thép bán cho công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An	2.870	
PX917	10/11	Xuất kho thép bán cho Công ty CP thép HTS	8.960	
			
PX932	20/11	Xuất kho thép bán cho công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Bảo An	4.240	
			
		Tổng số lượng xuất trong kỳ	18.500	
		Đơn giá xuất	12.200,6	
		Thành tiền xuất trong tháng	225.711.100	

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Trích Nhật ký chung tháng 11

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số B03a – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT –
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 11 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	SPS	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
...
01/11	HĐ678 PN860	01/11	Mua thép của công ty TNHH ống thép 190, chưa thanh toán	156 133 331	220.804.550 22.080.455	242.885.005
					
05/11	HĐ928	05/11	Doanh thu bán thép cho công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Bảo An	131 511 333	189.600.400	172.364.000 17.236.400
06/11	HĐ756 PN874	06/11	Mua thép của công ty TNHH ống thép 190, chưa thanh toán	156 133 331	261.632.750 26.163.275	287.796.025
					
10/11	HĐ980	10/11	Doanh thu bán thép cho công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Bảo An	131 511 333	369.885.824	336.259.840 33.625.984
					
30/11	BK1/11	30/11	Xuất bán thép H194x150 tháng 11/2019	632 156	468.648.112	468.648.112
30/11	BK2/11	30/11	Xuất bán thép H194x151 tháng 11/2019	632 156	303.313.668	303.313.668
30/11	BK3/11	30/11	Xuất bán thép H100 tháng 11/2019	632 156	225.711.100	225.711.100
					
			Cộng phát sinh tháng 11		30.978.690.612	30.978.690.612

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18: Trích Sổ cái Tài khoản 156 tháng 11

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số B03b – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tháng 11/năm 2019

Tên tài khoản: Hàng hóa

Số hiệu: 156

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số dư đầu tháng 11		1.458.860.500	
01/11	HĐ678 PN860	01/11	Mua thép của công ty TNHH ống thép 190, chưa thanh toán	331	220.804.550	
					
06/11	HĐ756 PN874	06/11	Mua thép của công ty TNHH ống thép 190, chưa thanh toán	331	261.632.750	
					
30/11	BK1/11	30/11	Xuất bán thép H194x150	632		468.648.112
30/11	BK2/11	30/11	Xuất bán thép H194x151	632		303.313.668
30/11	BK3/11	30/11	Xuất bán thép H100	632		225.711.100
					
			Cộng phát sin tháng 11		3.279.291.470	3.630.470.900
			Số dư cuối tháng 11		1.107.681.070	

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Người ghi sổ
(Ký)

Kế toán trưởng
(Ký)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
QUẾ PHÒNG

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, công ty cổ phần thương mại Quế Phòng đã trải qua nhiều bước thăng trầm nhưng công ty vẫn luôn cố gắng vươn lên tạo chỗ đứng cho mình trên thị trường. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại phải cạnh tranh với nhau. Và nhờ chính những đào cản đó đã tạo động lực cho công ty không ngừng nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh của mình, từng bước vươn lên, phát triển và khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Để đứng vững trên thị trường và tạo lập uy tín của mình như hiện nay không thể không nói đến sự chỉ đạo tài chính của ban lãnh đạo công ty và sự cố gắng vươn lên của các thành viên trong công ty. Tập thể lãnh đạo của công ty đã nhận ra những mặt yếu kém và không phù hợp với cơ chế mới nên đã có những biện pháp kinh tế hiệu quả, mọi sáng kiến đều được phát huy nhằm từng bước khắc phục mọi khó khăn để hòa nhập với nền kinh tế thị trường.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý kế toán hàng hóa. Công ty đã và đang cố gắng xây dựng hệ thống quản lý hàng hóa một cách hiệu quả nhất. Đúng trên góc độ quản lý, công ty đã tạo ra được sự phối hợp nhịp nhàng và liên hệ chặt chẽ giữa các bộ phận trong công ty tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh suôn sẻ, liên tục. Bên cạnh đó, hệ thống kho được bố trí hợp lý, thông thoáng, hàng hóa được sắp xếp khoa học.

3.1.1. Ưu điểm

- Thứ nhất về bộ máy quản lý

Với hình thức tổ chức quản lý trực tuyến, bộ máy quản lý tổ chức của công ty gọn nhẹ, thống nhất, bên dưới ban lãnh đạo các phòng ban được xây dựng hợp lý, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình.

- Thứ hai về bộ máy kế toán

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng hiện có bộ máy kế toán tổ chức hợp lý, gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả thực hiện đúng theo chế độ kế toán hiện hành, phù hợp với mô hình quản lý của công ty. Trong phòng tài chính kế toán, các nhân viên kế toán cho trình độ tay nghề phù hợp, nhiệt tình trong công tác

cũng như nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Các bộ phận kế toán được phân công, phân nhiệm rõ ràng, tránh được sự trùng lặp về công việc. Đồng thời có sự liên kết chặt chẽ, kiểm soát qua lại giữa các bộ phận kế toán, hạn chế được sai sót trong quá trình hạch toán, thực hiện công việc. Ngoài ra các nhân viên kế toán không ngừng trau dồi trình độ nghiệp vụ của mình, tiếp thu kịp thời, vận dụng linh hoạt chế độ kế toán mới. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

- Thứ ba về vận dụng hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán.

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo phản ánh nhanh chóng tình hình biến động của công ty. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp được sử dụng phổ biến ở nước ta. Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định hiện hành của nhà nước.

- Thứ tư về công tác kế toán hàng hóa

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng hóa luôn được theo dõi, kiểm tra liên tục, thường xuyên, kịp thời phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Để hạch toán chi tiết hàng hóa, công ty áp dụng phương pháp thẻ song song, phương pháp này giúp cho phòng kế toán theo dõi chặt chẽ từng hàng hóa từ khâu mua về kho bãi đến khi xuất bán, việc đối chiếu giữa sổ và các chứng từ đơn giản, chính xác, việc quản lý được đơn giản, kịp thời.

Đối với công tác thu mua: công ty luôn chú trọng về vấn đề chất lượng, số lượng sao cho luôn đảm bảo công tác thu mua được xem xét cân đối giữa kế toán hàng hóa và nhu cầu thực tế để đáp ứng kịp thời cho kinh doanh, tránh ứ đọng vốn. công ty đã làm tốt khâu lựa chọn nhà cung cấp, ký kết hợp đồng, nhận hàng cũng như kiểm định chất lượng nên số lượng hàng hóa được đảm bảo đúng yêu cầu sử dụng, không phát sinh những chi phí không cần thiết.

Đối với công tác dự trữ, bảo quản: công ty có một hệ thống kho được tổ chức một cách hợp lý, luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ hàng hóa, thủ tục nhập xuất cũng được quản lý chặt chẽ. Thủ kho có tinh thần trách nhiệm cao, trình độ chuyên môn tốt, đảm bảo được hàng hóa giữ trong kho giữ nguyên được phẩm chất, quy cách, đầy đủ về số lượng. Cùng với

đó công tác kiểm kê hàng hóa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình nhằm đảm bảo về số lượng và chất lượng hàng hóa.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trong công tác tổ chức quản lý hạch toán hàng hóa thì việc hạch toán kế toán hàng hóa cũng gặp những hạn chế và khó khăn nhất định. Do đó cần sớm khắc phục và hoàn thiện những hạn chế này nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thông tin cho công tác quản lý. Nhược điểm còn tồn đọng đó là:

* Về phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho:

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng tính trị giá xuất kho theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Phương pháp này giúp cho công ty giảm được khối lượng tính toán và ghi chép sổ sách kế toán tuy nhiên độ chính xác lại không cao cũng không phản ánh thường xuyên trị giá hàng hóa xuất kho trong tháng nên sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý hàng hóa của công ty.

* Về công tác xây dựng danh điểm hàng hóa:

Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng là một công ty đa chức năng với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất cơ cấu kim loại, buôn bán sắt thép. Do đó, để phục vụ tốt cho nhu cầu quản lý cần phải biết được một cách đầy đủ, cụ thể số hiện có và tình hình biến động của từng loại hàng hóa được sử dụng tại công ty, đồng thời tiết kiệm thời gian đối chiếu giữa kho và phòng kế toán. Công ty cần lập sổ điểm danh hàng hóa được phân chia chi tiết theo tính năng hóa lý, quy cách phẩm chất, đặc biệt được mã hóa thành hệ thống đảm bảo tính logic, thuận tiện việc tìm kiếm thông tin của hàng hóa.

* Về việc sử dụng phần mềm

Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng kế toán chỉ sử dụng excel và máy tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán gặp khó khăn, dễ dẫn đến sai sót.

* Về công tác kiểm kê hàng hóa tồn kho

Công tác kiểm kê hàng tồn kho tại Công ty chưa được thực hiện thường xuyên, cuối năm công ty mới tiến hành công tác kiểm kê nên không phát hiện kịp thời được sự mất mát, hư hỏng hàng tồn kho để xử lý kịp thời.

* Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm 2019 giá cả hàng hóa tại kho của công ty có chút biến động giảm so với giá cả trên thị trường. Nhưng tại công ty vẫn chưa thực hiện việc

trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trong thực tế việc trích lập các khoản dự phòng là rất quan trọng, giúp đơn vị đánh giá được giá trị thực của tài sản hiện có. Đặc biệt là một công ty có lượng hàng hóa lớn, đa dạng phong phú về chủng loại, thì công tác lập dự phòng giảm giá càng nên được thực hiện.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng

Qua những cơ sở lý luận về hạch toán hàng hóa với nâng cao sử dụng hàng hóa và áp dụng lý luận vào thực tiễn kế toán hàng hóa tại công ty cho chúng ta đã thấy rõ được vai trò và vị trí của thông tin kế toán hàng hóa trong việc đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý kế toán và quản trị doanh nghiệp. Xuất phát từ yêu cầu trên nên việc hoàn thiện tổ chức hạch toán hàng hóa là vô cùng quan trọng. Bên cạnh những yêu điểm mà công tác kế toán hàng hóa đã làm được vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty.

3.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm hàng hóa

Sổ danh điểm hàng hóa là toàn bộ các loại hàng hóa đã và đang sử dụng, được theo dõi cho từng loại, từng nhóm một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm hàng hóa có thể được xác định bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm hàng hóa được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết. Hiện nay công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại hàng hóa. Việc không lập sổ danh điểm hàng hóa sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý hàng hóa. Việc quản lý hàng hóa sẽ có nhầm lẫn, thiếu thống nhất và rất khó để phân biệt các nhóm, loại hàng hóa.

Xây dựng sổ danh điểm hàng hóa giúp cho việc quản lý từng loại hàng hóa sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập xuất tồn kho. Khi có sổ danh điểm việc cập nhập số liệu vào máy tính và việc ghi chép của thủ kho sẽ giảm nhẹ, thuận tiện hơn và tránh được nhầm lẫn. Việc quản lý hàng hóa trong công ty nói chung sẽ được chặt chẽ, thống nhất, khoa học hơn.

Để lập được sổ danh điểm hàng hóa, điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã hàng hóa chính xác, đầy đủ không trùng lặp. công ty cần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

Sổ danh điểm vật liệu sẽ thống nhất tên gọi, mã, đơn vị tính của từng loại hàng hóa.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Khi đánh số danh điểm cho từng loại hàng hóa ta kế thừa tài khoản cấp 2: 1561 – giá mua để mở chi tiết cấp 3 cho từng nhóm hàng hóa. Trong các nhóm hàng hóa đó lại tiếp tục đánh 01, 02, 03... cho từng loại hàng hóa, sau đó lại đánh 01, 02... cho từng chủng loại hàng hóa.

TK cấp 2: 1562 – chi phí mua được mở để theo dõi chi phí mua như chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản,... cho tất cả các loại hàng hóa nếu có phát sinh. Sổ danh điểm có thể được xây dựng theo mẫu sau:

SỔ DANH ĐIỂM HÀNG HÓA

Kho Cty	Danh điểm hàng hóa		Tên hàng hóa	ĐVT	Ghi chú
	Nhóm	Loại			
156.1			Hàng hóa		
	156.1.01		Thép hình	Kg	
		156.1.01.01	Thép H194x150	Kg	
		156.1.01.02	Thép H194x151	Kg	
		156.1.01.03	Thép H100	Kg	
		156.1.01.04	Thép H150x150	Kg	
		156.1.01.05	Thép H100x100	Kg	
		156.1.01.06	Thép H200x100	Kg	
		156.1.01.07	Thép H190	Kg	
			Kg	
	156.1.02		Thép tấm	Kg	
		156.1.02.01	Thép tấm 1,5x6,0m	Kg	
		156.1.02.02	Thép tấm 2,0x6,0m	Kg	
		156.1.02.03	Thép tấm 1.5x6.5.m	Kg	

3.2.2: Hoàn thiện phương pháp tính giá hàng hóa xuất kho.

Công ty nên áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá trị hàng hóa xuất kho. Phương pháp này sẽ giúp cho công ty khắc phục được những hạn chế so với việc sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ đó là: theo dõi

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kịp thời tình hình biến động của hàng hóa phát sinh trong tháng. Khối lượng tính toán và ghi chép của phương pháp này tăng lên sẽ được khắc phục do công ty sử dụng kế toán máy vào công tác kế toán. Công thức tính theo phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá hàng hóa xuất bán} = \text{Đơn giá bình quân} \times \text{Số lượng từng loại hàng hóa xuất kho}$$

*Biểu số 3.1: Sổ chi tiết hàng hóa thép H194x150***CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI QUẾ PHÒNG**

Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số; S06 – DNN*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA**

Tên hàng hóa: Thép H194x150, Tài khoản: 156 – Hàng hóa

Tháng 11 năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
			<u>Số dư đầu tháng 11</u>		<u>12.470</u>					<u>1.630</u>	<u>20.326.100</u>
01/11	PN860	01/11	Nhập kho thép H194x150	331	12.450	6.489	80.788.050			8.119	101.114.150
05/11	PX910	05/11	Xuất kho thép H194x150	632	12.454			5.230	65.134.500	2.889	35.979.650
06/11	PN874	06/11	Nhập kho thép H194x150	331	12.450	5.328	66.333.600			8.217	102.313.250
10/11	PX917	10/11	Xuất kho thép H194x150	632	12.451			7.682	95.651.745	535	6.661.505
										
			<u>Tổng số phát sinh</u>			<u>39.600</u>	<u>493.020.000</u>	<u>37.640</u>	<u>468.648.112</u>		
			<u>Số dư cuối tháng 11</u>		<u>12.450,8</u>					<u>3.590</u>	<u>44.697.988</u>

Ngày 30 tháng 11 năm 2019

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp

(Ký, họ tên)

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng)

3.2.3. Hoàn thiện về việc hiện đại hóa công tác kế toán

Việc công ty áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán có những ưu điểm sau:

- + Giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán
- + Tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty
- + Các thông tin được xử lý nhanh chóng, kịp thời, có độ chính xác cao.
- + Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán và kết quả hoạt động của công ty được liên hoàn, hệ thống hóa, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng khác nhau đồng thời lưu trữ thông tin theo yêu cầu của nhà nước.
- + Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán được sử dụng nhất quán trong toàn công ty giúp cho việc hệ thống sổ sách chứng từ nhanh chóng, đạt hiệu quả cao.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay:

- Phần mềm kế toán Misa

Ưu điểm:

Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

Tính chính xác: Số liệu tính toán trong Misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

Tính bảo mật: Vì Misa chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến nay các phần mềm chạy trên CSQL, SQL, NET,..Hầu như giữ nguyên bản quyền.

Nhược điểm:

Vì có SQL nên Misa đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu chương trình chạy rất chậm chạp.

Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

Các báo cáo khi kết xuất ra Excel sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất tốn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



- Phần mềm kế toán Fast Accounting

Ưu điểm: Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống Misa, Fast có hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.

Tốc độ xử lý nhanh

Cho phép xuất báo cáo ra Excel

Nhược điểm: tính bảo mật chưa cao trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ.

Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data



3.2.4. Hoàn thiện công tác kiểm kê hàng hóa

Doanh nghiệp nên hoàn thiện công tác kiểm kê kho, tiến hành kiểm kê thường xuyên hàng tháng hoặc hàng quý để kịp thời phát hiện những loại hàng hóa bị thiếu hụt hay còn dư thừa, ít xuất bán để từ đó có những biện pháp xử lý kịp thời cũng như đề ra các biện pháp khắc phục và những sự quyết định thu mua, xuất bán hàng hóa. Công tác kiểm kê thường sử dụng thước đo hiện vật để đo lường cũng như đo, đếm tại chỗ. Khi phát hiện thừa, thiếu hàng hóa tại kho, kế toán phải xác định nguyên nhân và ghi sổ kế toán.

Vì doanh nghiệp có nhiều chủng loại hàng hóa nên công ty cần chú trọng vào việc kiểm tra hàng hóa trong kho tránh được những thất thoát, mất mát hàng hóa. Hơn nữa việc kiểm kê thường xuyên giúp doanh nghiệp phát hiện và xử lý kịp thời khi bị mất hay hư hỏng hàng hóa. Trên thực tế đến cuối năm doanh nghiệp mới tiến hành công tác kiểm kê hàng hóa trong kho, như vậy nếu có những hàng hóa bị hư hỏng trong quá trình lưu trữ thì doanh nghiệp sẽ không kịp thời xử lý dẫn đến những tổn thất kinh tế, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Việc kiểm tra kho định kỳ nên được thực hiện 3 tháng một lần hoặc tiến hành kiểm tra đột xuất nhằm mục đích: xác nhận số lượng (phù hợp với hồ sơ hàng hóa), chất lượng (nhận biết, hư hại, suy giảm chất lượng, bao gói) hay phát hiện kịp thời những mặt hàng lỗi. Kết quả kiểm tra phải được ghi lại trong biên

bản kiểm kho. Mọi hàng hóa không phù hợp được phát hiện phải được cách ly, đánh dấu và chờ ý kiến xử lý của Giám đốc.

3.2.5. Hoàn thiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh, phản ánh giá trị hàng hóa tồn kho sát hợp với giá trị thị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trung kỳ chính xác. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị tổn thất do giá hàng hóa tồn kho bị giảm.

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản 229 “Dự phòng hàng tồn thất tài sản” để phản ánh việc lập dự phòng và xử lý các tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập phải có những bằng chứng tin cậy về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng hàng tồn kho thực tế, công ty xác định mức dự phòng theo phương thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức trích dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá hàng tồn} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng hàng tồn} \\ \text{kho thực tế tại} \\ \text{thời điểm lập báo} \\ \text{cáo tài chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{(Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho)} \end{array}$$

- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 229 – dự phòng tổn thất tài sản.

- Bên nợ:

- + Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết.

- + Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

- + Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa bỏ.

- Bên có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Số dư bên có:

- + Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

- * Phương pháp hạch toán kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên kế toán ghi:

Nợ TK632: Giá vốn hàng bán

Có TK 2294: Dự phòng tổn thất tài sản

- Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo:

+ Khi lập báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 2294: Dự phòng tổn thất tài sản

+ Khi lập báo cáo tài chính, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch, ghi:

Nợ TK 2294: Dự phòng tổn thất tài sản

Có TK 632: Giá vốn hàng bán

+ Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK2294: Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng số dự phòng)

Nợ TK 632: giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có TK 156

+ Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước, ghi:

Nợ TK 2294: Dự phòng tổn thất tài sản

Có TK 411: Vốn đầu tư của chủ sở hữu

KẾT LUẬN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, hàng hóa đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán hàng hóa là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình và chỉ đạo công tác lập kế hoạch thu mua, tiêu thụ hàng hóa một cách thích hợp từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc tăng lợi nhuận kinh doanh cho doanh nghiệp. Trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng em đã học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm về hạch toán kế toán nói chung và kế toán hàng hóa nói riêng. Ngoài việc củng cố những kiến thức đã học ở trường em thấy mình cần phải học hỏi nhiều hơn nữa để tích lũy những kiến thức cho cuộc sống sau này.

Đề tài khóa luận: “Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận vấn đề: Đã nêu và hệ thống được những vấn đề cơ bản về công tác hạch toán kế toán hàng hóa ở doanh nghiệp.

- Về thực tế: Đã phản ánh được thực trạng công tác kế toán hàng hóa cũng như việc quản lý, sử dụng hàng tồn kho tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng và chứng minh bằng số liệu năm 2019 cho các lập luận đưa ra.

- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng, bài khóa luận đưa ra một số nguyên nhân, phương hướng hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại công ty.

Vì thời gian thực tập tại Công ty ngắn, với trình độ kiến thức, lý luận của bản thân còn có nhiều hạn chế, bài khóa luận mới chỉ đi vào tìm hiểu một số vấn đề chủ yếu nên không tránh khỏi những thiếu sót, em mong nhận được những ý kiến nhận xét của thầy cô giúp bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Thu Trang

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính
2. Công ty Cổ phần Thương mại Quế Phòng (2019) *Sổ sách kế toán Công ty*
3. Các tài liệu khác trên mạng internet